TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PV OIL)
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Số: 257/BC-TMDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 19. tháng 04. năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
NĂM 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước "**Báo cáo thường niên năm 2014**" của Petechim như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**
  PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY
  PETECHIM JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: 0305447723
- Vốn điều lệ : 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng)
- Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : (84-8) 54112323
- Số fax : (84-8) 54112332
- Email : contact@petechim.com.vn; info@petechim.com.vn
- Website : www.petechim.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành dầu khí non trẻ của Việt Nam. Đến năm 1994, Petechim được chuyển giao cho PetroVietnam với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật, thương mại và cung ứng thiết bị, vật tư, máy móc cũng như các công trình đồng bộ hàng đầu của Việt Nam.
- Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là "Petechim", được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS ngày 05/10/1994 hoạt động theo mô hình

CÔNG TY C PHN THNG MI DU KHÍ
Digitally signed by CÔNG TY C PHN THNG MI DU KHÍ
Date: 2016.04.19 15:52:53 +07:00

doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PetroVietnam).

- Ngày 27/09/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg về việc "Chuyển Công ty Thương mại Dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên".
- Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc "Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí" với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Petechim.

  Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc "Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim" trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).

  Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim (tên giao dịch viết tắt là Petechim Servimex) có 51% vốn góp của Tổng công ty Thương mại Dầu khí, sau khi được thành lập **kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Petechim**.
- Tiếp tục tiến trình sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).
- Sau khi thành lập PV Oil, thương hiệu Petechim chính thức được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim. Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim.

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim là đơn vị kế thừa toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí cũng như thương hiệu của Tổng công ty Thương mại Dầu khí Petechim trước đây. Công ty Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) sang lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong hai năm 2014 và 2015:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết	4669

STT	Tên ngành	Mã ngành
	bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển.	5229
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết: Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
4	Đại lý, môi giới, đấu giá - chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)	4610
5	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7	Lập trình máy vi tính	6201
8	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511

- Địa bàn kinh doanh: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:
  - Đại hội đồng cổ đông;
  - Hội đồng quản trị;
  - Ban kiểm soát;
  - Tổng Giám đốc điều hành.
- Mô hình quản trị:

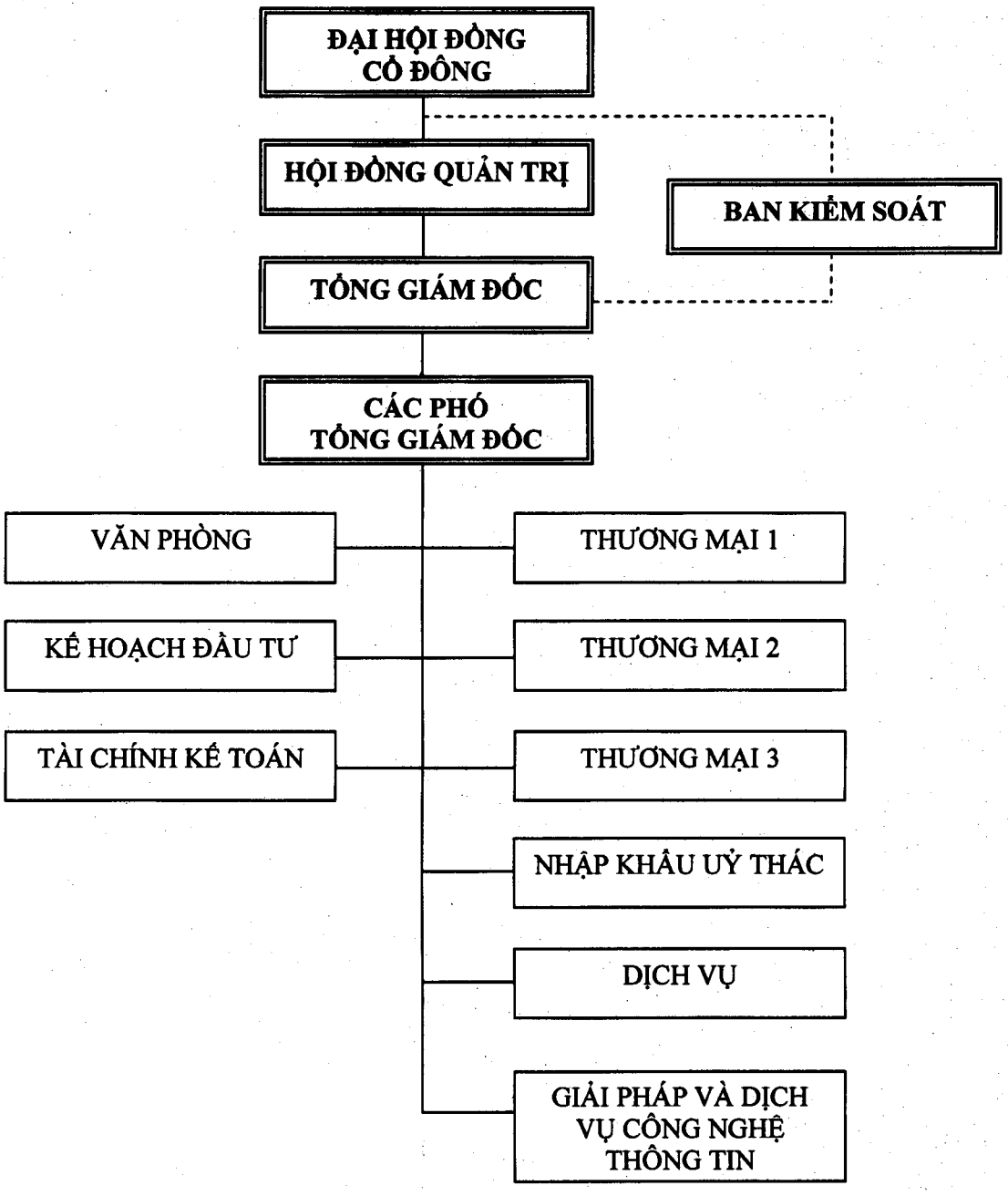

- Các công ty con, công ty liên kết:
  + Công ty con:
  1. Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh (GEC)
  2. Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)
  + Công ty liên kết:
  3. Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC)
  4. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn)
  5. Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ)
  6. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

  (Chi tiết xin xem Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo này)

5. *Định hướng phát triển*

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) cho giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2025 là: **"Phát triển thành một Công ty thương mại hàng đầu trong lĩnh vực Dầu khí"**. Các nhiệm vụ cụ thể của Petechim:

- Nhà cung cấp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp thiết bị phục vụ cho các dự án phục vụ cho khâu hạ nguồn và các dự án trong lĩnh vực Dầu khí.
- Nhà cung cấp hàng đầu về hóa phẩm và các thiết bị, hệ thống phòng thí nghiệm. (Trong thời gian qua, Petechim đã trở thành một đơn vị mạnh trong việc cung cấp hóa phẩm, thiết bị phòng thí nghiệm cho PV Oil, Vietsovpetro, Viện Dầu khí, Trường cao đẳng nghề Dầu khí …)
- Nhà tổng thầu có uy tín trong lĩnh vực hạ nguồn dầu khí trong nước vào năm 2015 và khu vực vào năm 2025. (Xác định EPC là sản phẩm tạo ra sự đột phá cho sự phát triển của Công ty, trong thời gian vừa qua, Petechim đã đẩy mạnh xây dựng lực lượng cán bộ, đặt ra từng bước đi cụ thể của mình. Tuy nhiên, để thực hiện thành công định hướng trên, Petechim cần được tạo điều kiện để phát triển hoàn chỉnh mô hình hoạt động và các lĩnh vực liên quan, trong đó sự hỗ trợ từ phía Tổng Công ty là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, việc chưa tận dụng đội ngũ chuyên gia, máy móc thiết bị, hệ thống phòng thí nghiệm của PV Oil trong các mặt hoạt động của Petechim đã phần nào làm giảm hiệu quả hoạt động của Petechim cũng như chưa phát huy hết được các nguồn lực của PV Oil)
- Có sản phẩm, dịch vụ là sở hữu trí tuệ và mang thương hiệu riêng Petechim. (Trong thời gian qua, Petechim bằng sự nỗ lực của mình đã có 3 sản phẩm trí tuệ, mang thương hiệu Petechim như giải pháp phục vụ đào tạo cho Trường Đại học Dầu khí; Giải pháp số hóa, thư viện điện tử; Giải pháp trong hệ thống tự động hóa cho khâu bán lẻ xăng dầu đã được đăng ký bản quyền. Trong thời gian tới, Petechim tiếp tục phát huy và tăng cường phát triển mảng này, đẩy mạnh việc tham gia vào quá trình sản xuất/ tự thực hiện sản xuất những vật tư, thiết bị phục vụ trực tiếp cho các đơn vị trong ngành Dầu khí và đặc biệt là PV Oil)
- Là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: cung cấp các sản phẩm, vật liệu, chất phụ gia thân thiện với môi trường. (Petechim đã và đang tìm kiếm, cung cấp cho PV Oil, VSP, các JOC, … các phụ gia, hóa phẩm, vật tư thân thiện với môi trường, nghiên cứu triển khai các dự án (Đèn Led tiết kiệm năng lượng, thu gom dầu hơi trong quá trình xuất nhập sản phẩm nhẹ …) và sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc tìm kiếm và cung cấp các sản phẩm trên. Với việc làm này, Petechim đang gián tiếp thực hiện việc bảo vệ môi trường, giảm độc hại trong các hoạt động của ngành Dầu khí)
- Là đơn vị đi cùng với Tổng Công ty Dầu Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc phát triển các dự án Dầu khí ở nước ngoài. (Petechim đã và đang đi cùng với Tổng Công ty, Tập đoàn trong việc phát triển các dự án ở nước ngoài như tại Cambodia, Myanmar, Cuba, Nga, các nước SNG. Đây sẽ là hướng đi mới của Công ty để vươn xa và khẳng định mình trên thị trường quốc tế)

6. *Các rủi ro:*

- Nền kinh tế thế giới và trong nước tuy đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ biến động mạnh.

- Xuất hiện nguy cơ biến động tỷ giá của tiền đồng Việt Nam so với các đồng ngoại tệ khác.
- Giá dầu có sự sụt giảm mạnh, chưa có dấu hiệu phục hồi làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trong và ngoài nước.
- Mục tiêu của Tập đoàn trong việc tăng trưởng hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí sẽ tạo áp lực đáng kể cho các doanh nghiệp trong ngành.
- Một vài hoạt động kinh doanh triển khai theo hình thức dự án gặp vướng mắc, tồn đọng nhất định trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, tạo tâm lý e ngại cho khách hàng khi giao các dự án lớn cho Petechim thực hiện.
- Hoạt động đầu tư của Công ty chưa hiệu quả, chưa tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2015, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, các đối tác truyền thống trong ngành như Vietsovpetro, PVEP POC... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi quan trọng giúp Công ty giữ vững được thị trường truyền thống và nâng cao vị thế trong ngành để phát triển mảng dịch vụ thương mại của mình, tạo nền tảng vững chắc đáp ứng nhu cầu mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty.
- Năm 2015 cũng là giai đoạn Công ty Petechim tập trung phát triển mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là các lĩnh vực: công nghệ thông tin, tự động hóa và công nghệ pha trộn các sản phẩm dầu khí.
- Tuy nhiên, năm 2015 cũng là năm mà Petechim phải đương đầu với những khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do sự xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới; cộng với tác động khách quan của tình hình khủng hoảng quốc tế và chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô trong nước.
- Hoạt động đổi mới doanh nghiệp của Petechim trong năm 2015 tiếp tục được chú trọng, nhằm tạo nội lực mới cho doanh nghiệp trong bối cảnh tình hình kinh tế xuất hiện nhiều khó khăn, thử thách.

❖ Trong bối cảnh đó, các hoạt động của Công ty Petechim trong năm 2015 tập trung vào những việc trọng tâm sau:

- Thực hiện các hợp đồng đã ký và triển khai các dự án dự nguồn từ năm 2014.
- Đăng ký, phân bổ kế hoạch và phát động phong trào thi đua năm 2015.
- Khảo sát và nghiên cứu thị trường nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ thương mại, đặc biệt chú trọng tìm hướng đi mới mở rộng ra ngoài phạm vi Tổng công ty Dầu Việt Nam.
- Tham gia đấu thầu các dự án mới và triển khai các hợp đồng ký mới.

- Tiếp quản Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC).
- Theo dõi chặt chẽ tình hình và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
- Xử lý các tồn đọng và quyết toán những dự án trước đây với Tổng công ty Dầu Việt Nam và các công nợ quá hạn khó đòi tại một số Công ty liên quan khác.
- Tiến hành các thủ tục đề nghị tái cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và duy trì chứng chỉ ISO của Công ty.
- Tổ chức đào tạo Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (Theo OHSAS 18001:2007) và Hệ thống quản lý môi trường (Theo ISO 14001:2004) cho toàn thể CBNV Công ty.
- Tiến hành thủ tục cho các đợt đánh giá chuẩn bị cấp chứng chỉ OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004 cho Công ty.
- Thực hiện lộ trình thoái vốn ra khỏi các doanh nghiệp Petechim không nắm cổ phần chi phối, gồm:
  - Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC);
  - Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ);
  - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn);
  - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2015 của Công ty Petechim như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	% so với KH năm 2015	% so với năm 2014
1	Doanh thu	1.750.000,00	1.083.774,64	62%	50%
2	Giá vốn	1.620.000,00	998.593,56	62%	48%
3	Chi phí	88.000,00	67.063,32	76%	67%
4	LNTT	42.000,00	18.117,76	43%	70%
5	LNST	32.760,00	14.313,67	44%	70%

Đánh giá kết quả thực hiện:

Về doanh thu

Trong năm 2015 Công ty Petechim đạt được doanh thu là 1.083,77 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch doanh thu cả năm, chỉ bằng 50% so với năm 2013.

Về lợi nhuận

Trong năm 2015, lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim đạt 18,12 tỷ đồng, đạt 43% kế hoạch doanh thu cả năm, bằng 70% so với năm 2013.

2. Tổ chức và nhân sự:

– Danh sách Ban điều hành:

- Ông **Hoàng Dương** – Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 19 – 08 – 1960

Số CMND: 022010865 cấp ngày 16 – 12 – 2014 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Khoa học – Chuyên ngành đường ống bể chứa dầu

Giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

- Ông **Trần Mạnh Hùng** – Phó Tổng giám đốc.

Sinh ngày: 13 – 09 – 1963

Số CMND: 023185805 cấp ngày 24 – 05 – 2002 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển

- Ông **Lê Thành Đức** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24 – 11 – 1969

Số CMND: 023425287 cấp ngày 28 – 06 – 1997 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Ông **Trần Trung Chí Hiếu** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01 – 02 – 1963

Số CMND: 161355616 cấp ngày : 20 – 6 – 2008 tại Nam Định.

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế.

Giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/7/2015.

- Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 27 – 02 – 1982

Số CMND: 273099232 cấp ngày 25 – 09 – 2010 tại Vũng Tàu.

Trình độ: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

– Những thay đổi trong Ban điều hành: Có thay đổi

- Ông **Trần Văn Mạnh** - Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 05 – 03 – 1965

Số CMND: 025141600 cấp ngày 10 – 08 – 2009 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

- Ông **Bùi Đình Trung** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28 – 11 – 1981

Số CMND: 023474033 cấp ngày 29 – 01 – 2007 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin

Chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01/03/2016.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 70 người
- Chính sách đối với người lao động:
  - Tóm tắt chính sách:

+ Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; người lao động khi nghỉ việc tại Công ty nếu đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc (cứ mỗi năm làm việc tại Công ty là nửa tháng lương).

+ Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đào tạo đúng đối tượng;

+ Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động thể hiện ở vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.

+ Người lao động ký hợp đồng lao động 01 năm trở lên được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; được cấp đồng phục Công ty; được tham gia khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm;

+ Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; lao động nữ sinh con, nghỉ thai sản; sinh nhật; hiếu hỷ; trợ cấp nằm viện; đi du lịch...

- Thay đổi chính sách đối với người lao động năm 2015:

+ Năm 2015, Công ty triển khai tái cấu trúc lại các phòng ban, bố trí lại nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả công việc của từng cán bộ nhân viên.

+ Ngoài việc triển khai các khóa đào tạo nội bộ, Công ty đã tăng cường việc cử người lao động tham gia các khóa đào tạo bên ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động, tăng năng lực cạnh tranh cho Công ty.

+ Năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện việc mua bảo hiểm PVI Care cho người lao động theo Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm con người năm 2015 số: 44/PETE.TCKT-PVI/07-2010/15/PL01 Pias: 15/16/04/CSSK/PC00083 ký ngày 15/4/2015 giữa Công ty Petechim và Công ty Bảo hiểm Dầu khí PVI, nhằm phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh của CBNV với trách nhiệm và quyền lợi cao, đặc biệt bảo vệ người lao động trong các trường hợp rủi ro như: tử vong, tàn tật, tai nạn, nằm viện, phẫu thuật...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị tính: VNĐ đồng

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
1	*Đầu tư vào công*	**CÔNG TY CP TM**	Vốn điều lệ	20.000.000.000

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
	tỷ con	**NĂNG LƯỢNG XANH** *Ngày góp vốn: 23/09/2012* *Người đại diện: 1. Trần Văn Mạnh (ủy viên HĐQT)); 2. Nguyễn Quang Trung (Trưởng BKS)*	Vốn Petechim góp	**9.526.687.800**
			Tỉ lệ sở hữu	**51%**
			Doanh thu 2014	92.640.605.780
			Lợi nhuận sau thuế 2014	**1.628.378.358**
			Tỉ lệ chia cổ tức 2014	7,49%
2		**CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ PETECHIM** *Ngày góp vốn: 24/11/2009* *Người đại diện: Phạm Việt Thắng*	Vốn điều lệ	30.000.000
			Vốn Petechim góp	**2.900.000.000**
			Tỉ lệ sở hữu	**25%**
			Doanh thu 2014	27.886.872.908
			Lợi nhuận sau thuế 2014	**1.295.820.857**
			Tỉ lệ chia cổ tức 2014	-
3		**Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn** *Ngày góp vốn: 14/02/2011* *Người đại diện: Trần Văn Mạnh - ủy viên HĐQT*	Vốn điều lệ	200.000.000.000
			Vốn Petechim góp	**11.000.000.000**
			Tỉ lệ sở hữu	**5,50%**
			Doanh thu 2014	5.178.807.564.312
			Lợi nhuận sau thuế 2014	**18.644.265.573**
			Tỉ lệ chia cổ tức 2014	-
4	*Đầu tư vào công ty liên kết*	**Công ty CP SX&Chế biến DK Phú Mỹ** *Ngày góp vốn: 22/03/2011* *Người đại diện: Trần Mạnh Hùng* *Chức danh: Phó tổng giám đốc*	Vốn điều lệ	500.000.000.000
			Vốn Petechim góp	**10.000.000.000**
			Tỉ lệ sở hữu	**2%**
			Doanh thu 2014	203.605.846.355
			Lợi nhuận sau thuế 2014	507.896.796
			Tỉ lệ chia cổ tức 2014	-
5		**Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung** *Ngày góp vốn: 09/11/2011* *Người đại diện: Trần Mạnh Hùng* *Chức danh:Phó tổng giám đốc*	Vốn điều lệ	140.000.000.000
			Vốn Petechim góp	**3.000.000.000**
			Tỉ lệ sở hữu	**2,14%**
			Doanh thu 2014	3.248.206.560.810
			Lợi nhuận sau thuế 2014	**9.801.759.737**
			Tỉ lệ chia cổ tức 2014	4%
6		**Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)** *Ngày góp vốn: 31/12/2013* *Người đại diện: 1.*	Vốn điều lệ	42.352.900.000
			Vốn Petechim góp	**21.960.000.000**
			Tỉ lệ sở hữu	**51,85%**
			Doanh thu 2014	71.193.745.030
			Lợi nhuận sau thuế 2014	**1.295.820.745**

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
		Hoàng Dương – Tổng GĐ; 2. Phạm Việt Thắng; 3. Nguyễn Quang Trung – Trưởng BKS.	Tỉ lệ chia cổ tức 2014	-
	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ		**57.986.690.000 VNĐ**	

- Ngày 16/11/2015, Công ty Petechim đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 360.000 cổ phiếu tương đương 8,5% VĐL PAIC từ PVOIL và nắm giữ quyền chi phối PAIC với tỉ lệ cổ phần chiếm 51,85% VĐL của PAIC.
- Công ty Petechim đang tiến hành các thủ tục thoái vốn khỏi các doanh nghiệp không nắm cổ phần chi phối. Do việc chào bán rộng rãi trên thị trường vào thời điểm này lại không thuận lợi nên việc thoái vốn của Petechim đang gặp phải nhiều khó khăn.
- Tính đến hết năm 2015, tổng giá trị đầu tư góp vốn còn lại của Công ty Petechim là 57.986,69 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	977.848.721.033	494.167.317.599	Giảm 49 %
Doanh thu thuần	2.155.605.576.149	1.077.055.144.503	Giảm 50 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.252.287.468	15.079.198302	Giảm 40 %
Lợi nhuận khác	(119.277.252)	1.781.992.488	Tăng 1.593 %
Lợi nhuận trước thuế	25.752.877.741	18.117.755.118	Giảm 30 %
Lợi nhuận sau thuế	20.336.964.815	14.313.670.649	Giảm 30 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	3.5%	Giảm 56%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2014	2015
Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
HS thanh toán nhanh	0,92	1,45
HS thanh toán hiện thời	1,23	2,05
Chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản	73%	43%
Tỷ suất tự tài trợ nợ = Nợ phải trả/VCSH	266%	75%
Chỉ tiêu năng lực hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	5	4
Kỳ thu tiền bình quân	67	100
Số vòng quay hàng tồn kho	21	7
Số ngày tồn kho	18	51
Khả năng sinh lời		
LN gộp biên = Lợi nhuận gộp /doanh thuần	4%	7%
ROS = Lợi nhuận ròng/doanh thu thuần	1%	1%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
- Tổng số cổ phần: 20.000.000 Cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Tổng số cổ đông tính đến ngày 09/03/2016: 2.828 cổ đông.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm trên 5%:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	58.000.000.000	29,00%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tràng An	VNĐ	46.200.000.000	23,10%
3	Công ty CP Chứng khoán Phú Gia	VNĐ	29.800.000.000	14,90%
4	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HDBank)	VNĐ	22.000.000.000	11,00%
Tổng cộng			**156.000.000.000**	**78,00%**

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	14.500.000.000	29,00%
2	Nguyễn Lê Minh	VNĐ	7.630.000.000	15,26%
3	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	VNĐ	3.370.000.000	6,74%
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VNĐ	2.500.000.000	5,00%
Tổng cộng			**28.000.000.000**	**56,00%**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn lại chặng đường hoạt động trong năm 2015, Công ty Petechim tự đánh giá các kết quả đạt được như sau:

Công ty Petechim đạt được doanh thu là 1.083,77 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch doanh thu cả năm và lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim đạt 18,12 tỷ đồng, đạt 43% kế hoạch doanh thu cả năm.

Nguyên nhân không đạt kế hoạch là do Công ty Petechim phải đương đầu với những khó khăn:

- Thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới;

- Hoạt động thương mại chủ yếu tập trung vào công tác đấu thầu trong khi mức độ cạnh tranh trên thị trường cao hơn nhiều so với thời kỳ trước nên công tác thương mại gặp nhiều khó khăn, hiệu quả kinh tế không cao như kỳ vọng;
- Tình hình giá dầu sụt giảm liên tục trong năm 2015, nhiều nhà thầu lớn như VSP, JOC... cắt giảm chi phí thăm dò khai thác mỏ, các khoản đầu tư cho dự án bị trì hoãn, các đơn hàng giảm mạnh... làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty Petechim.
- Chi phí bán hàng và quản lý ngày càng tăng cao, cộng với việc trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư cũng làm giảm đáng kể lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Do đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015 không được như kỳ vọng và sụt giảm so với năm 2014.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty Petechim cùng với tất cả các CBCNV Công ty luôn nỗ lực và đã vượt qua được giai đoạn khó khăn này để đảm bảo tốt các quyền lợi của cổ đông đồng thời gìn giữ và phát huy được uy tín của thương hiệu Petechim trên thị trường; giữ vững được thị trường truyền thống, đồng thời mở ra những lĩnh vực kinh doanh mới do Công ty làm chủ công nghệ và tiếp tục đổi mới có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phát huy được những thế mạnh của mô hình công ty cổ phần.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tăng trưởng:

- Doanh thu Công ty năm 2015 có sự sụt giảm mạnh, đạt 1,077 tỷ VNĐ giảm 50% so với năm 2014. Trong đó doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ giảm 58%, doanh thu xây dựng giảm 100% và doanh thu cung cấp chất phụ gia xăng dầu tăng 145% so với cùng kì.
- Quy mô tổng tài sản giảm 49,46% so với năm so với năm 2014. Trong đó chỉ tiêu các khoản phải thu giảm 18% so với cùng kì. Ngoài ra do thị trường chứng khoán trong nước xuống dốc, giá dầu liên tục giảm từ tháng 5/2014, vì vậy những mã cổ phiếu của các Công ty kinh doanh xăng dầu chịu ảnh hưởng đáng kể. Trước tình hình đó Công ty Petechim đã rút toàn bộ vốn khỏi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nhằm bảo toàn nguồn vốn lưu động.

b) Tình hình thanh khoản:

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đang là 2,07 và được duy trì trên mức 1,0 trong 2 năm liên tiếp. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng ở mức tương tự trong khoảng 0,92 đến 1,45. Điều này cho thấy Công ty có lượng tiền mặt ổn định, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kì kinh doanh).

c) Năng lực hoạt động:

Các chỉ tiêu số ngày thu tiền bình quân và số ngày tồn kho tăng lên đáng kể so với cùng kì. Cụ thể:

- Số ngày phải thu đang ở mức 99 ngày tăng 33 ngày so với năm 2014. Do việc nới lỏng chính sách tín dụng thương mại với các đối tác như Công ty Liên doanh Việt Nga (Vietsovpetro), Công ty PVEP POC.... nhằm củng cố mối quan hệ hợp tác lâu dài với các công ty trên.

- Chỉ tiêu số ngày tồn kho tăng lên 34 ngày so với cùng kì. Trong đó 02 hợp đồng có lượng tồn kho lớn chiếm 67% trên tổng số hàng tồn kho là hợp đồng cung cấp ống Casing cho PVD và cung cấp cẩu cho VSP.

d) Khả năng sinh lời:

- Lợi nhuận gộp biên năm 2015 tăng 3% so với năm 2014. Do tỷ trọng giá vốn/doanh thu giảm từ 95,7% xuống 92,7% trong năm 2015. Điều này có thể giải thích do một số đơn hàng vật tư, thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài chịu tác động bởi biến động tỷ giá EUR giảm liên tục trong năm 2014 dẫn đến chi phí mua hàng giảm, công tác đàm phán hợp đồng và kiểm soát chi phí giá mua hàng của Công ty ngày một tốt hơn.
- Chi phí hoạt động (chi phí bán hàng và chi phí quản lý) của Công ty năm 2015 tăng cao, tỷ lệ chi phí/doanh thu tăng 1% so với cùng kì. Hoạt động tài chính cũng không đạt hiệu quả, giảm gần 200% so với năm 2014. Dẫn đến chỉ số ROS giảm từ 8% (2015) về 5% (2014) , tuy nhiên chỉ số ROA lại tăng từ 2,1% (2014) lên 2,9% (2015) do tốc độ sụt giảm tổng tài sản mạnh hơn tốc độ sụt giảm lợi nhuận ròng.

e) Đòn bẩy tài chính:

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục tận dụng lợi thế của đòn bẩy nợ tài chính thông qua các kênh:

- Vay từ ngân hàng 82,473 tỷ, đây là các khoản vay có kỳ hạn ngắn (3 tháng; 6 tháng) với mức lãi suất từ 5% – 6%/năm.
- Chiếm dụng vốn từ khách hàng, nâng số ngày trả tiền bình quân từ 59 trong năm 2014 lên 64 ngày trong năm 2015.

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2014	So sánh
Vòng quay khoản phải trả	Lần/Vòng	5,59	6,06	Giảm 0,47 vòng
Số ngày trả tiền bình quân	Ngày	64	59	Tăng 5 ngày

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004 để đạt được các mục tiêu và chính sách chất lượng an toàn môi trường đã đề ra là: Đem đến cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; Đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng, đối tác, nhà thầu và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của mình; Luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường.
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động làm tăng lợi nhuận cho Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các nét chính trong hoạt động SXKD của Công ty Petechim giai đoạn 2015-2016 được dự báo như sau:

a. Hoạt động dịch vụ

Dịch vụ nhập khẩu ủy thác:

Tìm kiếm các hợp đồng ủy thác mới trong lĩnh vực cung ứng vật tư, thiết bị, công trình dầu khí.

Dịch vụ hậu cần, đại lý hàng hải và cung cấp nhiên liệu:

Tiếp tục triển khai các hoạt động dịch vụ truyền thống gồm:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa cho các nhà thầu dầu khí;
- Dịch vụ đại lý hàng hải cho các tàu dầu thô và tàu khảo sát địa chấn;
- Dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà thầu dầu khí và các nhà điều hành mỏ (JOC/POC).

Ngoài ra, Công ty tiếp tục tìm hiểu thị trường các mặt hàng kinh doanh khác để triển khai kinh doanh khi có cơ hội tốt.

b. Hoạt động thương mại

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung ứng các sản phẩm đặc trưng của Petechim trong giai đoạn vừa qua như:

- Ống thép cho các công trình dầu khí;
- Thiết bị địa vật lý giếng khoan;
- Thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu;
- Hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn;
- Giải pháp và sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong ngành dầu khí.

Tăng cường quan hệ với các khách hàng truyền thống:Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil); Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro; Các nhà điều hành mỏ (JOC); Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP); Nhà máy Lọc dầu Bình Sơn (BRS)…

Với định hướng tham gia góp vốn vào các hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Sovico Hoiding sẽ tạo điều kiện quyết định cho Công ty Petechim trong việc tham gia các dự án lớn với vai trò cung ứng dịch vụ và vật tư thiết bị.

Bên cạnh đó, Petechim tiếp tục phát triển mối quan hệ và tham gia vào chuỗi cung ứng của các nhà sản xuất và phân phối hàng đầu thế giới đồng thời tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm cung ứng cho thị trường và tìm kiếm khách hàng trong những lĩnh vực và thị trường mới.

c. Hoạt động pha chế xăng dầu

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện công nghệ làm tăng hiệu quả của sản phẩm.

- Tăng cường đẩy mạnh hoạt động cung ứng sản phẩm đặc trưng (CN120) của GEC.
- Tăng cường hợp tác với khách hàng truyền thống là Nhà máy PV Oil Phú Mỹ thực hiện phát triển các hợp đồng mới, đồng thời tìm kiếm phát triển các khách hàng mới như Sài Gòn Petro, Petrolimex và thị trường các nước có nhu cầu pha chế như Lào, Campuchia.

d. Hoạt động Công nghệ thông tin

- Tiếp tục triển khai để hoàn tất dứt điểm các hợp đồng đang dang dở của mảng CNTT.
- Phối hợp hỗ trợ thực hiện hoạt động kinh doanh với Công ty PAIC

e. Hoạt động đầu tư, quản lý vốn

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty, quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp bên ngoài.
- Tiếp tục thực hiện thoái vốn theo lộ trình được HĐQT phê duyệt.
- Nghiên cứu các cơ hội đầu tư mới.

f. Công tác tổ chức nhân sự và đào tạo

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa.
- Áp dụng cơ cấu tính lương mới phù hợp với năng lực chuyên môn của từng CBNV.
- Lập và triển khai kế hoạch đào tạo, tự đào tạo để nâng cao nghiệp vụ và các kỹ năng cho người lao động.

g. Công tác đổi mới doanh nghiệp

- Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (Theo OHSAS 18001:2007) và Hệ thống quản lý môi trường (Theo ISO 14001:2004) trong toàn Công ty.

h. Công tác phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ

- Tiếp tục triển khai định hướng phát triển các ứng dụng CNTT trong ngành.
- Mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ sang nhiều lĩnh vực khác.

i. Công tác xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

- Phối hợp với Công đoàn Công ty trong việc đảm bảo các quyền lợi của người lao động theo quy định của Luật Lao động.
- Phối hợp với Đoàn Thanh niên Công ty trong việc phát triển các hoạt động của thanh niên theo quy định của Luật Thanh niên.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức đoàn thể của Công ty.

- Khuyến khích CBNV Công ty tham gia vào các công tác xã hội, từ thiện, môi trường …

5. ***Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*** Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2015, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khíViệt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, các đối tác truyền thống Vietsovpetro, PVEP, PVEP POC, Vietgazprom, CGG, các JOC… cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

Năm 2015 cũng là năm mà Petechim phải đương đầu với rất nhiều khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành cạnh tranh ngày càng gay gắt, cộng với tác động khách quan của tình hình khủng hoảng quốc tế và chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô trong nước. Đặc biệt, giá xăng dầu trong và ngoài nước luôn giảm từ tháng 9/2014 đến nay dẫn đến việc cắt giảm chi phí thăm dò khai thác của các chủ mỏ như Vietsovpetro, PVEP … Các khoản đầu tư cũng bị trì hoãn dự án cho đến các năm tiếp theo, các đơn hàng ít dần dẫn đến cơ hội kinh doanh của Công ty Petechim không còn nhiều; hoạt động thương mại chủ yếu tập trung vào công tác đấu thầu trong khi mức độ cạnh tranh trên thị trường cao hơn nhiều so với thời kỳ trước nên công tác thương mại gặp nhiều khó khăn, hiệu quả kinh tế không cao như kỳ vọng, doanh thu giảm mạnh, các khoản chi phí lại không giảm tương ứng làm giảm đáng kể lợi nhuận trước thuế của Công ty. Bên cạnh đó, sự thay đổi nhiều về nhân sự, nhất là ở các vị trí lãnh đạo chủ chốt đã gây không ít khó khăn cho Công ty trong công tác quản trị, bố trí nhân sự.

Trước thực tiễn nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã xác định:

- Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm dầu khí cho các công ty Dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các nhà thầu nước ngoài, Dịch vụ cho khâu trước và khâu sau của ngành dầu khí, Đại lý và dịch vụ hàng hải, Dịch vụ hậu cần, Dịch vụ CNTT, Dịch vụ tư vấn, Quản lý dự án …
- Mở rộng thị trường, khách hàng nhằm tăng thị phần, tăng doanh số và hiệu quả, liên danh đấu thầu: Trong năm 2015, Công ty đã tích cực tìm kiếm và ký các thỏa thuận hợp tác kinh doanh với các khách hàng mới trong và ngoài nước tiềm năng như Zarubezhneft Joint Stock Company (Nga), Zarnestservice Ltd. (Nga), Daya Materials Berhad (Malaysia), Go Marine Group Pty Ltd (Úc), Sovico Holdings (Việt Nam);
- Nắm bắt cơ hội kinh doanh ngoài ngành khi dự án đánh giá có khả thi và an toàn nguồn vốn;
- Đẩy nhanh tốc độ thực hiện các dự án đầu tư đã và đang thực hiện;
- Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được nhanh chóng triển khai và thực hiện tốt, mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty;

- Thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu chi phí hoạt động chung của Công ty (cơ cấu lại bộ máy tổ chức, thanh lý tài sản dư thừa, cắt giảm các chi phí hành chính, công tác phí, phúc lợi, khen thưởng …);
- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ;
- Thực hiện tốt qui chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Mặc dù kết quả SXKD năm 2015 của Công ty và nhóm Công ty chưa đáp ứng được kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 giao cho nhưng cũng đã thể hiện được sự trăn trở, quyết tâm, tinh thần đoàn kết giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV trong công ty trong việc khắc phục khó khăn và dần tiến đến ổn định. Kết quả hợp nhất cơ bản mà Công ty và nhóm Công ty đã đạt được trong năm 2015 như sau:

- Giá trị tổng tài sản đạt trên 494,17 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác đạt hơn 1.083,77 tỷ đồng, đạt62% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao;
- Nộp ngân sách Nhà nước trên 30,08 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp đạt trên 18,12 tỷ đồng, đạt 43% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ giao;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt trên 14,31 tỷ đồng đạt 44% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ giao;
- Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ đạt trên 12,80 tỷ đồng;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 576 đ/CP;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 3,5%;
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu: 4,45%
- Lương bình quân của người lao động: 10.000.000 đồng/ tháng

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty*

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, bổ sung sửa đổi lần 7, ngày 14/04/2015;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, ban hành ngày 26/04/2013.

HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Trong năm 2015, Ban điều hành của Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ các quy định của Công ty. Ban điều hành cũng đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT theo đúng trình tự và thống nhất trong tổ chức thi hành Nghị quyết/ Quyết định.

Tổng giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều lệ của Công ty và của HĐQT quy định. Các cán bộ quản lý, các Phòng/ Ban thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, hoàn thành nhiệm vụ được giao với năng suất hiệu quả cao. Cụ thể như sau:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã phối hợp tốt tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty vào ngày 14/4/2015 tại trụ sở chính của Công ty.
- Tổng giám đốc Công ty đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
- Tổng giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoat động đầu tư tài chính khác. Đồng thời theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
- Tổng giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt việc cấp mới và tái sử dụng các hạn mức tín dụng giao dịch của Công ty tại các ngân hàng HDBank, PVcomBank – CN Tp. HCM, Citibank N.A – CN Hà Nội, VIB – CN Tp. HCM, BIDV – CN Gia Định nhằm phục vụ các hoạt động SXKD trong các năm 2015 và 2016 của Công ty.
- Trong năm 2015, được sự hỗ trợ của HĐQT, Ban điều hành đã tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác với một số nhà thầu dầu khí nước ngoài như Zarubezhneft, Go Marine Group, Daya Materials Berhad nhằm mở rộng thị trường và nâng cao khả năng kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chỉ đạo của HĐQT, Tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban liên quan rà soát và điều chỉnh Quy chế tài chính, Quy chế lương thưởng để công tác quản lý Công ty được sâu sát, hiệu quả hơn.
- Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ Thường niên năm 2015, Tổng giám đốc đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông của Công ty từ ngày 05/05/2015. Đến thời điểm báo cáo, 63.1% cổ tức năm 2014 đã được chi trả cho các cổ đông.
- Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
- Năm 2015, Tổng giám đốc đã hoàn thành việc đề nghị tái cấp chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và duy trì chứng chỉ ISO của Công ty. Đồng thời, triển khai đào tạo Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS 18001:2007) và Hệ thống quản lý môi trường (ISO

14001:2004) cho toàn thể CBNV Công ty, tiến hành thủ tục cho các đợt đánh giá chuẩn bị cấp chứng chỉ này.

- Công tác nhân sự, đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ, hoạt động an sinh xã hội và của các tổ chức đoàn thể đều được Tổng giám đốc chú trọng và đạt kết quả tốt.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

➢ ***Mục tiêu chiến lược:***

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu quản lý, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin về các hoạt động của Công ty, làm cơ sở để cổ đông giám sát hoạt động của Công ty.
- Hoàn thiện cơ chế và quản lý tốt việc thực hiện các quy định, quy trình về quản lý phần vốn góp tại các dự án/ doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động đầu tư của Công ty.
- Đảm bảo nguồn tài chính phù hợp với lộ trình phát triển của Công ty.
- Có chính sách dự phòng rủi ro tài chính nhằm ứng phó với các nguy cơ rủi ro trong giai đoạn 2015-2020.
- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho lộ trình phát triển của Công ty.
- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, khách hàng tiềm năng để tranh thủ tiềm năng và thế mạnh của các dự án đầu tư trọng điểm.
- Tăng cường hoạt động quảng bá, quan hệ công chúng để tìm kiếm các cơ hội đưa các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật cao, thân thiện với môi trường vào triển khai ứng dụng thực tiễn.
- Hoàn thành việc đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ý chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (sàn Upcom), tiến tới đưa cổ phiếu của Petechim lên sàn giao dịch chứng khoán vào thời điểm thích hợp nhằm nâng cao vị thế của Petechim và thu hút vốn đầu tư từ kênh chứng khoán.

  Đây là những công tác trọng tâm nhằm tiếp tục giữ vững và nâng cao vị thế cạnh tranh của Petechim trong giai đoạn phát triển và hội nhập.

➢ ***Kế hoạch hoạt động:***

a. Hoạt động kinh doanh

Bên cạnh việc tiếp tục các dự án/hợp đồng đã và đang thực hiện trong năm 2015, Công ty Petechim sẽ triển khai thực hiện những công việc sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung ứng các sản phẩm đặc trưng của Petechim trong giai đoạn vừa qua như: ống thép cho các công trình dầu khí, thiết bị địa vật lý giếng khoan, thiết bị cho phòng thí nghiệm, thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu, hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn, giải pháp và sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong ngành dầu khí.

- Tăng cường mối quan hệ khách hàng truyền thống (Vietsovpetro, PV Oil, PVEP, PVEP POC, Nhà máy lọc dầu Bình Sơn, Vietgazprom, CGGVeritas, các nhà điều hành mỏ JOC...), tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường, khách hàng tiềm năng, các nhà sản xuất và phân phối hàng đầu thế giới, đặc biệt là các công ty dầu khí Nga tại Việt Nam như Lukoil, Rosneft, Gazprom ... nhằm tăng thị phần, tăng doanh số và hiệu quả liên danh đấu thầu, tiến đến ký kết các hợp đồng hợp tác chiến lược/ đại lý độc quyền, tạo đà phát triển ổn định và bền vững cho Công ty.
- Tiếp tục nhận sự hỗ trợ của các cổ đông lớn của Công ty như PV Oil, Sovico Holdings/ HDBank/ Vietjet Air trong các hoạt động cung cấp các loại hình dịch vụ và thương mại liên quan.
- Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức các cuộc họp HĐQT để chỉ đạo kịp thời các mặt hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động kinh doanh để kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót và tồn tại.
- Đứng trước dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2016 với nhiều khó khăn như: thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt, giá dầu thô chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ làm ảnh hưởng đến doanh thu của các nhà thầu dầu khí, các khoản đầu tư của các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước nhiều khả năng sẽ bị hạn chế hoặc cắt giảm nhiều, chủ trương cắt giảm chi phí đầu tư, chi phí quản lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các đơn vị trong ngành lên đến 30%, HĐQT đã xem xét và thống nhất xây dựng các chỉ tiêu kinh tế dự kiến cơ bản của Công ty Petechim năm 2016 như sau:

Riêng Công ty Petechim

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016 dự kiến
1	Doanh thu	850.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	816.250.000.000
3	Tổng quỹ lương	15.000.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	18.750.000.000
5	Thuế TNDN (20%)	3.750.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.000.000.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	6%
8	Nộp ngân sách Nhà nước	20.000.000.000
9	Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động	10.000.000
10	Chi phí quản lý	23.700.000.000

Hợp nhất Công ty con

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016 dự kiến
1	Tổng doanh thu	1.100.000.000.000
2	Tổng chi phí	1.068.750.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	31.250.000.000
4	Thuế TNDN (20%)	6.250.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.000.000.000
6	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	20.185.000.000

b. Hoạt động đầu tư

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Quản lý tốt công tác kinh doanh của Công ty, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tối đa hóa lợi nhuận của nguồn vốn;
- Quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp/ dự án và có phương án thoái vốn an toàn trong trường hợp cần thiết;
- Tăng cường quản lý và phát triển các hoạt động SXKD tạicác công ty con: Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC), Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC);
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các cơ hội đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước, đặc biệt tham gia cổ phần phát triển mỏ của PVN, PVEP;
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác quản lý đầu tư nhằm quản lý các danh mục đầu tư hiệu quả và đáp ứng được các mục tiêu của Công ty đề ra khi tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án/ doanh nghiệp.

c. Kế hoạch thu hồi công nợ:

- Đây được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong năm 2016.
- HĐQT tiếp tục theo dõi sát sao và đôn đốc mạnh mẽ Ban điều hành Công ty xử lý các công nợ còn tồn đọng. Trong trường hợp cần thiết, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục pháp lý để thu hồi phần vốn tồn đọng và các chi phí tài chính (nếu có) tại các công ty nêu tại Mục 4 Phần I của Báo cáo.

d. *Công tác cổ phần, cổ phiếu:*

- Tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2015: 3,5%
- Đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2016 dự kiến: 6%

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Số lượng: 06 thành viên
Nhiệm kỳ: 2015 – 2020
Sơ yếu lý lịch:

1 Ông **Nguyễn Thanh Hùng** - Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 15 – 04 – 1967

Số CMND: 023289366 cấp ngày 18 – 02 – 2008 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Tiến sĩ Khoa học

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5.50%

Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 02

+ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng không Vietjet

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khu du lịch Bắc Mỹ An

2 Ông **Hoàng Dương** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19 – 08 – 1960

Số CMND: 022010865 cấp ngày 15 – 10 – 2004 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Khoa học – Chuyên ngành đường ống bể chứa dầu

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15.11%

Thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, chuyển sang làm Thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 01

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

3 Ông **Trần Văn Mạnh** - Thành viên HĐQT

Sinh ngày: 05 – 03 – 1965

Số CMND: 025141600 cấp ngày 10 – 08 – 2009 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10.06%

Thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 15/04/2015.

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 01

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương mại Năng Lượng Xanh

4 Ông **Trần Hoài Nam** – Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 14/08/1965.

CMND: 011007798 ngày cấp: 10/08/2006 nơi cấp: CA Hà Nội

Trình độ: Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5.50%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

5 Ông **Nguyễn Lê Minh** – Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 13/09/1958

CMND: 023798937 ngày cấp: 25/07/2013 nơi cấp: CA Tp. HCM

Trình độ: Tiến sĩ Máy móc và Thiết bị khoan, khai thác Dầu khí

Chức vụ hiện tại: Chánh Văn phòng Đảng ủy Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

6 Ông **Trần Trung Chí Hiếu** – Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ

Ngày sinh: 01/02/1963

Số CMND: 161355616 ngày cấp : 20/6/2008 nơi cấp: CA .Nam Định

Trình độ: Tiến sĩ Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Tài chính dự án Vietjet Air

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 24.69%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: Không có

7 Ông **Đinh Việt Phương** – Thành viên HĐQT

Sinh ngày: 19 – 02 – 1969

CMND: 011783446, cấp ngày 13 – 08 – 2012, Nơi cấp: CA Hà Nội

Trình độ: Tiến sĩ Kỹ thuật khai thác đường thủy

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SOVICO

Phó Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tràng An

Phó Tổng giám đốc Công ty CP Hàng không VietJet

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 24.69%

Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 01

+ Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Á.

Thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty Petechim kể từ ngày 01/7/2015.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT theo đúng các trình tự của Điều lệ quy định nhằm cụ thể hóa các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, bám sát tiến trình hoạt động SXKD và tình hình thực tế của Công ty.

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2015 *(Chi tiết xin xem Phụ lục 02 đính kèm Báo cáo này).*

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ và tên	Chương trình đào tạo	Thời gian/ Địa điểm đào tạo	Nơi cấp chứng chỉ
1	Hoàng Dương – Chủ tịch HĐQT	Bồi dưỡng kiến thức kỹ năng lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp	Từ 04/05 đến 13/06/2009 tại Vũng Tàu	Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị của Bộ Xây dựng
2	Trần Văn Mạnh - Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	Chương trình phát triển nghề nghiệp	12/05/2007	John Robert Powers
		Quản lý rủi ro tín dụng	26/06 đến 28/06/2008	Small and Medium sized enterprises development fund (SMEDF)
		Kế toán dành cho Lãnh đạo doanh nghiệp	11/06/2011	CLB Giám đốc Tài chính Việt Nam và Công ty CFO Capital đồng tổ chức

2. *Ban kiểm soát*

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số lượng: 03 thành viên

Nhiệm kỳ: 2015 – 2016

Sơ yếu lý lịch:

1. Ông **Nguyễn Quang Trung** – Trưởng Ban kiểm soát

Sinh ngày: 14 – 09 – 1972

Số CMND: 022965741 cấp ngày 13 – 02 – 2014 tại Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ: Thạc sĩ Tài chính và Kinh doanh tiền tệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 14.90%

2. Ông **Huỳnh Minh Triết** - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 10 – 03 – 1962

Số CMND: 023081339 cấp ngày 06 – 05 – 2010 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Cử nhân Kế toán, Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

3. Bà **Huỳnh Mai** - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày: 03 – 04 – 1982

Số CMND: 023474283 cấp ngày 14 – 06 – 2001 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong năm 2014, BKS đã thực hiện các công việc chủ yếu sau:

• Kiểm tra, giám sát hàng quý tình hình thực hiện kỳ hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở báo các thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty.

• Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và việc tuân thủ Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ công ty.

• Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty.

• Thẩm định các báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn…

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban kiểm soát

STT	Ngày họp	Nội dung thông qua	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1	05/3/2015	Xem xét kết quả kinh doanh năm 2014 và đề xuất các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành	Thống nhất báo cáo hoạt động Ban kiểm soát năm 2014	Biên bản họp số 01/BBH-BKS ngày 05/3/2015
2	12/4/2015	Xem xét và đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 cho Petechim	Đề nghị HĐQT cho BKS quyền chủ động công ty kiểm toán với mức phí thấp hơn hoặc bằng năm 2014 là 200.000.000 VNĐ	Biên bản họp số 02/BBH-BKS ngày 12/4/2015
3	19/5/2015	Xem xét kết quả kinh doanh Quý 1-2015 và đề xuất các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành	Thống nhất báo cáo Ban kiểm soát Quý 1-2014	Biên bản họp số 03/BBH-BKS ngày 19/5/2015
4	31/7/2015	Rà soát sơ bộ kết quả kiểm toán sơ bộ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.	Kiến nghị BĐH tích cực thu hồi, giám sát chặt chẽ và báo cáo HĐQT việc thu hồi các khoản ứng trước và hoàn thành đúng hạn các hợp đồng nhằm giảm thiểu chi phí và rủi ro phát sinh	Biên bản họp số 04/BBH-BKS ngày 31/7/2015
5	25/9/2015	Xem xét kết quả kinh doanh sáu tháng đầu năm 2015 và đề xuất các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành	Thống nhất báo cáo Ban kiểm soát sáu tháng đầu năm 2015	Biên bản họp số 05/BBH-BKS ngày 25/9/2015
6	09/11/2015	Xem xét kết quả kinh doanh Quý 3-2015 và đề xuất các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành	Thống nhất báo cáo Ban kiểm soát Quý 3-2015	Biên bản họp số 06/BBH-BKS ngày 09/11/2015
7	22/2/2016	Xem xét kết quả kinh doanh năm 2015, làm rõ các khoản công nợ của Công ty CP Thương mại Năng Lượng Xanh (GEC) và Công ty CP Công nghiệp Năng Lượng Xanh (GEEI)	Đề xuất BĐH Petechim và GEC rà soát và giải trình tình hình thực hiện và thanh toán của các hợp đồng có công nợ còn tồn đọng với Petechim và đề xuất BĐH trích lập dự phòng, có giải pháp nhằm cắt giảm chi phí	Biên bản họp số 01/BBH-BKS ngày 22/2/2016

2. **Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý**

- Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã có nhiều quyết định điều chỉnh về mặt nhân sự và cấu trúc tổ chức nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty.
- Một số vấn đề tồn đọng cần được xem xét và xử lý sớm, cụ thể như sau:
  - Rất cần trọng trong việc tổ chức thực hiện hợp đồng, cần đặc biệt lưu ý siết chặt khâu tạm ứng, thanh toán hợp đồng, siết chặt hơn nữa chi phí bằng cách xem xét cắt giảm ngay các chi phí không hợp lý như chi phí hoạt động của các thành viên HĐQT; tích cực hơn nữa trong việc đôn đốc thu hồi, xử lý công nợ và quản lý tốt hàng tồn kho .
  - Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và nhanh chóng thoái vốn khỏi các công ty góp vốn không nắm cổ phần chi phối đặc biệt là Công ty CP Hậu cần dầu khí do kết quả kinh doanh không khả quan, có khả năng mất vốn đã góp.
  - Trong năm 2016, cần đặc biệt lưu ý theo dõi việc khởi kiện Công ty Hưng Yên nhằm thu hồi vốn tạm ứng kinh doanh cà phê 10,14 tỷ đồng; nợ quá hạn của các Công ty CP TM và Đại lý Dầu Bà Rịa – Vũng Tàu (Tradoco) (nợ 3,1 tỷ đồng), Công ty Đầu tư Xây dựng & Thương mại Anh Phát (14,62 tỷ đồng), Công ty CP Công nghiệp Năng Lượng Xanh (5,01 tỷ đồng) cần được giám sát chặt chẽ và có các biện pháp quyết liệt để thu hồi vốn, tránh thiệt hại cho công ty.

3. **Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng Giám đốc và cổ đông**

Nhìn chung năm 2015, BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, BKS đã tiến hành kiểm tra, rà soát một số hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và thường xuyên báo cáo cũng như có một số kiến nghị góp ý cho HĐQT và Ban điều hành công ty về việc trích lập các quỹ dự phòng tài chính cũng như việc kiểm tra, giám sát, các khoản nợ khó đòi, hàng tồn kho ...

4. **Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban kiểm soát:**

- Họp Ban kiểm soát ít nhất 4 lần/năm.
- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý trước khi HĐQT xem xét và phê duyệt.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo công ty.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

5. **Kiến nghị của Ban kiểm soát:**

- HĐQT và Ban điều hành trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, đồng thời nhanh chóng thoái vốn khỏi các công ty góp vốn không nắm cổ phần chi phối đặc biệt là Công ty CP Hậu cần dầu khí để quản lý hiệu quả nguồn vốn và giảm thiểu rủi ro, mất vốn.

- Xem xét cắt giảm các chi phí không cần thiết, không hợp lý để tăng hiệu quả kinh doanh.
- HĐQT và Ban điều hành cần giám sát chặt chẽ và có các phương án cụ thể thu hồi công nợ tại công ty TNHH Hưng Yên và công ty Tradoco, Công ty Minh Tiến, Công ty ĐT XD & TM Anh Phát, Công ty CP CN Năng Lượng Xanh... đồng thời cần rà soát các đối tác kinh doanh, các khoản công nợ quá hạn để tránh trường hợp nợ khó đòi.
- Đề xuất lập nhóm/cá nhân chịu trách nhiệm kiểm soát nội bộ (KSNB). Nhóm KSNB hoạt động dưới sự quản lý của Ban điều hành, đồng thời cũng hỗ trợ thông tin cho BKS nếu có yêu cầu.

4. ***Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát***

Tổng mức thù lao chi trả cho HĐQT và BKS năm 2015 là 324.000.000 đồng, đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 thông qua theo Nghị quyết số 58/NQ-TMDK ngày 14/4/2015.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. *Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: Các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty, Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

2. ***Báo cáo tài chính được kiểm toán:*** Xin xem "Báo cáo tài chính riêng năm 2015" và "Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015" của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đính kèm.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT, NXTC – 03b

Đính kèm:
- Phụ lục số 01 và 02;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2015.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0305447123-C.T.
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

HOÀNG DƯƠNG

PHỤ LỤC SỐ 01

(Đính kèm Báo cáo số ..257...../BC-TMDK, ngày .....19/04/2016.....)

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI NĂNG LƯỢNG XANH (GEC)** (Địa chỉ: Ô1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã BR-VT)	Mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ; Sản xuất, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm năng lượng thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp.	9,526,687,800	51%
2	Công ty liên kết	**CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ (PAIC)** (Tầng 10, Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, số 173 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn thiết kế công trình). Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa; cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu. Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa. Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống CNTT và viễn thông. Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm	18,360,000,000	43.35%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử. Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và các dịch vụ phần mềm. Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty.		
3	Công ty liên kết	**CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ (PVLSC)** (Địa chỉ: Khu Trung tâm DV Công Cộng, Khu Kinh tế Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa)	Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú (bao gồm cả khách sạn, biệt thự, nhà trọ); Kinh doanh dịch vụ ăn uống: nhà hàng, quầy bar, phục vụ suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ điện tử, tin học, dịch vụ internet; Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm định máy móc, thiết bị công nghiệp, dầu khí, xăng dầu; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy; Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất, hóa phẩm ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp; Mua bán trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ môi trường; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Dịch vụ đại lý tàu biển, vận tải đường biển; Vận tải hành khách đường bộ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Cho thuê ô tô; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ khác liên quan đến vận tải; Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các	2,900,000,000	25%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			công trình khác; Dịch vụ vệ sinh giặt là; Các dịch vụ phục vụ cá nhân khác; Dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Cung ứng dịch vụ và các cơ sở luyện tập thể dục thể thao; Nhà thuốc, phòng khám, cơ sở y tế.		
4	Công ty liên kết	**CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ SÀI GÒN (PV Oil Sài Gòn)** (Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới …); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả.	11,000,000,000	5.50%
5	Công ty liên kết	**CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PV Oil Phú Mỹ)** (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT)	Bán buôn / bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanoil fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị,	10,000,000,000	2.00%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ.		
6	Công ty liên kết	**CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (PV Oil Miền Trung)** (Địa chỉ: 92-94, Lê Trung Đình, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan [Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất cấm)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn).	3,000,000,000	3.50%

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0305447723-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

HOÀNG DƯƠNG

PHỤ LỤC SỐ 02

(Đính kèm Báo cáo số .257...../BC-TMDK, ngày .....19/04/2016.....)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Kết quả thực hiện
1	Quyết định số 09/QĐ-TMDK, 25/02/2015	25/02/2015	Cử ông Trần Văn Mạnh – TGĐ Công ty đi công tác tại Singapore làm việc với Regency Steel Asia về hợp đồng cung cấp ống chống cho VSP.	Đã hoàn thành
2	Nghị quyết số 40B/NQ-TMDK	23/03/2015	Phê duyệt việc xin cấp hạn mức tín dụng giao dịch tại Citibank N.A, CN Hà Nội phục vụ hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim	Đã hoàn thành
3	Các Quyết định số 051/QĐ-TMDK, 09/4/2015; 052/QĐ-TMDK, 09/4/2015; 053/QĐ-TMDK, 09/4/2015; 60B/QĐ-TMDK, 15/4/2015; 60C/QĐ-TMDK, 15/4/2015	09/4/2015 15/4/2015	1. Thay đổi nhân sự trong HĐQT và Ban TGĐ Công ty CP Thương mại Dầu khí; 2. Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty từ ông Trần Văn Mạnh sang ông Hoàng Dương.	Đã hoàn thành
4	Nghị quyết số 64B/NQ-TMDK	04/5/2015	Thực thi chính sách tiết kiệm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; Chủ trương ký hợp đồng đầu vào của Công ty.	Đang áp dụng toàn Công ty
5	Quyết định số 79/QĐ-TMDK	03/6/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ Công ty đi công tác tại LB Nga tham dự Triển lãm Quốc tế về Dầu khí.	Đã hoàn thành
6	Quyết định số 94B/QĐ-TMDK	09/6/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ Công ty đi công tác tại Thailand làm việc với hãng Elite Drilling.	Đã hoàn thành
7	Nghị quyết số 095/NQ-TMDK	12/6/2015	Chấp thuận việc xin tái cấp hạn mức tín dụng giao dịch 650 tỷ VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương tại HDBank – Trung tâm kinh doanh phục vụ hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty.	Đã ký Hợp đồng tín dụng và đang thực hiện Hợp đồng

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Kết quả thực hiện
8	Nghị quyết số 096/NQ-TMDK	12/6/2015	Chấp thuận việc xin tái cấp hạn mức tín dụng giao dịch 150 tỷ VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương tại VIB – CN Tp. HCM phục vụ hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty.	Đã ký Hợp đồng tín dụng và đang thực hiện Hợp đồng
9	Nghị quyết số 097/NQ-TMDK	12/6/2015	Chấp thuận việc xin tái cấp hạn mức tín dụng giao dịch 200 tỷ VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương tại PVcomBank – CN Tp. HCM phục vụ hoạt động SXKD năm 2015 của Công ty.	Đã ký Hợp đồng tín dụng và đang thực hiện Hợp đồng
10	Nghị quyết số 104B/NQ-TMDK	26/6/2015	Khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên ra tòa án có thẩm quyền tại Tp. HCM.	Đang tiến hành vụ kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà – Tỉnh Lâm Đồng
11	Quyết định số 109/QĐ-TMDK	01/7/2015	Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty Petechim đối với ông Đinh Việt Phương kể từ ngày 01/7/2015.	Đã hoàn thành
12	Quyết định số 110/QĐ-TMDK	01/7/2015	Bổ nhiệm ông Trần Trung Chí Hiếu – Người đại diện phần vốn của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Tràng An tại Công ty Petechim làm Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty Petechim kể từ ngày 01/7/2015.	Đang xin ý kiến thông qua việc bổ nhiệm này tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty
13	Quyết định số 111/QĐ-TMDK	01/7/2015	Đổi tên phòng Nhập khẩu Ủy thác thành Phòng Thương mại 2 kể từ ngày 01/7/2015.	Đã hoàn thành
14	Quyết định số 136/QĐ-TMDK	30/7/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ Công ty đi công tác tại Malaysia và Singapore để tham dự Chương trình Đối thoại Doanh nghiệp.	Đã hoàn thành
15	Quyết định số 138/QĐ-TMDK	03/8/2015	Phê duyệt ban hành Quy chế Lương – Thưởng của Công ty Petechim.	Đang áp dụng toàn Công ty
16	Nghị quyết số 139/NQ-TMDK	03/8/2015	Phê duyệt quỹ lương năm 2015 của Petechim.	Đã hoàn thành
17	Quyết định số 151/QĐ-TMDK	11/8/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ Công ty đi công tác tại Singapore làm việc với PipeMart Services.	Đã hoàn thành
18	Quyết định số 152/QĐ-TMDK	11/8/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ Công ty đi công tác tại LB Nga để khảo sát thị trường dầu khí.	Đã hoàn thành
19	Quyết định số 157/QĐ-	21/8/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ Công ty đi công tác tại	Đã hoàn thành

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Kết quả thực hiện
	TMDK		Singapore làm việc với PipeMart Services.	
20	Quyết định số 158/QĐ-TMDK	21/8/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ Công ty đi công tác tại Vladivostok (LB Nga) để tham gia Diễn đàn kinh tế phương Đông năm 2015.	Đã hoàn thành
21	Nghị quyết số 181/NQ-TMDK	16/10/2015	Phê duyệt việc nhận chuyển nhượng cổ phần PAIC từ PV Oil	Đã hoàn thành
22	Quyết định số 194B/QĐ-TMDK	26/10/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ Công ty đi công tác tại Singapore tham dự Hội nghị và Triển lãm GASTECH lần thứ 28 và thảo luận với Tập đoàn HHI về một số dự án dầu khí ở Việt Nam trong năm 2016.	Đã hoàn thành
23	Quyết định số 190/QĐ-TMDK	30/10/2015	Quyết định thành lập Phòng Phát triển Kinh doanh thuộc Công ty Petechim kể từ ngày 01/11/2015.	Đã hoàn thành
24	Nghị quyết số 204/NQ-TMDK	04/11/2015	Phê duyệt việc cấp mới hạn mức tín dụng giao dịch 200 tỷ VNĐ tại BIDV – CN Gia Định năm 2015-2016	Đã ký Hợp đồng tín dụng và đang thực hiện Hợp đồng
25	Nghị quyết số 220/NQ-TMDK	27/11/2015	Phê duyệt việc bổ sung phần vốn của Petechim tại PAIC cho Người đại diện.	Đã hoàn thành
26	Nghị quyết số 224/NQ-TMDK	14/12/2015	Phê duyệt việc tham gia dự án "Mở rộng nâng công suất Nhà máy đường An Khê lên 18.000 TMN của Công ty CP Đường Quảng Ngãi"	Đã ký Hợp đồng với Công ty Hanh Xương để thực hiện dự án này
27	Quyết định số 234/QĐ-TMDK	31/12/2015	Cử ông Hoàng Dương – TGĐ đi công tác tại Singapore làm việc với PipeMart Services.	Đã hoàn thành

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

HOÀNG DƯƠNG

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Đinh Việt Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18,Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Quận 1
Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 613 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Lê Chí Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Thành Xuân Thủy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2260-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		293.980.471.826	816.467.062.890
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**85.028.735.444**	**151.469.646.564**
1. Tiền	111		14.438.735.444	118.469.646.564
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.590.000.000	33.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	**3.954.163.811**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	6.151.859.811
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(2.197.696.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**128.483.922.982**	**525.240.410.225**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	113.877.823.359	341.190.290.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.778.415.534	145.479.664.570
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.297.866.250	42.861.538.952
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.470.182.161)	(4.291.083.297)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**71.894.218.454**	**120.189.752.109**
1. Hàng tồn kho	141		71.894.218.454	120.189.752.109
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**8.573.594.946**	**15.613.090.181**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		312.111.289	173.074.652
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.261.483.657	13.524.755.399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	1.915.260.130
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**140.203.012.410**	**143.853.352.709**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**13.000.000**	**13.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	13.000.000	13.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**49.443.345.674**	**55.493.230.476**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	47.474.211.111	53.514.085.501
- Nguyên giá	*222*		*66.009.735.813*	*66.009.735.813*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(18.535.524.702)*	*(12.495.650.312)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.969.134.563	1.979.144.975
- Nguyên giá	*228*		*2.154.472.660*	*2.154.472.660*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(185.338.097)*	*(175.327.685)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**34.646.230.000**	**34.646.230.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	34.646.230.000	34.646.230.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**13**	**55.254.330.256**	**52.584.525.681**
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.486.687.800	9.526.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.500.000.000	20.860.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.732.357.544)	(1.802.162.119)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**846.106.480**	**1.116.366.552**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		846.106.480	1.116.366.552
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		434.183.484.236	960.320.415.599

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**190.848.645.611**	**708.816.222.078**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**150.271.208.711**	**664.374.023.878**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	46.635.417.278	388.268.836.079
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		75.000.000	1.971.541.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	841.100.186	3.277.749.660
4. Phải trả người lao động	314		2.529.563.075	495.919.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.685.481.676	17.516.675.161
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.660.120.504	12.440.259.664
7. Vay ngắn hạn	320	18	82.473.601.466	238.413.196.160
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		370.924.526	1.989.846.195
II. Nợ dài hạn	**330**		**40.577.436.900**	**44.442.198.200**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	40.577.436.900	44.441.954.700
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	243.500
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**243.334.838.625**	**251.504.193.521**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**243.334.838.625**	**251.504.193.521**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.881.416.421	34.071.996.663
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.453.422.204	17.432.196.858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*1.432.196.858*	*886.299.790*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*7.021.225.346*	*16.545.897.068*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**434.183.484.236**	**960.320.415.599**

Phạm Thị Hồng Yến	Nguyễn Ngọc Anh	Hoàng Dương
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN
Đơn vị:VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		833.527.656.386	2.197.227.979.734
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.455.815.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	831.071.840.886	2.197.227.979.734
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	764.383.751.942	2.106.814.158.479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		66.688.088.944	90.413.821.255
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.005.610.570	34.056.956.503
7. Chi phí tài chính	22	26	16.113.559.984	36.636.013.835
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.975.648.202*	*27.432.015.998*
8. Chi phí bán hàng	25	29	23.729.079.899	29.383.743.739
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	21.274.743.136	32.725.572.677
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.576.316.495	25.725.447.507
11. Thu nhập khác	31	27	3.338.369.875	2.371.345.483
12. Chi phí khác	32	28	1.412.104.093	2.481.877.361
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		1.926.265.782	(110.531.878)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.502.582.277	25.614.915.629
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	2.358.517.415	4.894.643.798
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**9.144.064.862**	**20.720.271.831**

M.S.D.N: 0305447723-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
QUẬN 7 - TP HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Hồng Yến	Nguyễn Ngọc Anh	Hoàng Dương
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*11.502.582.277*	*25.614.915.629*
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.049.884.802	6.233.548.537
- Các khoản dự phòng	03	(3.088.401.711)	5.241.080.232
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	364.562.010	61.942.093
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.861.640.815)	(32.170.144.787)
- Chi phí lãi vay	06	5.975.648.202	27.432.015.998
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*18.942.634.765*	*32.413.357.702*
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	398.825.545.335	(206.947.273.386)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	53.558.805.397	(108.057.382.031)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(378.942.878.536)	125.159.359.039
- Giảm chi phí trả trước	12	131.223.435	570.436.281
- Giảm chứng khoán kinh doanh	13	6.151.859.811	25.459.501.373
- Tiền lãi vay đã trả	14	6.246.511.070	(28.328.032.554)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.062.615.772)	(8.002.994.030)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(4.799.591.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*102.851.085.505*	*(172.532.618.988)*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(33.763.866.955)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	337.272.727
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.600.000.000)	(18.360.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17.000.000.000
5. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	1.613.645.426	33.799.805.374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*(1.986.354.574)*	*(986.788.854)*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	684.207.457.728	1.825.373.775.294
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(840.147.052.422)	(1.969.063.753.346)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.375.899.589)	(17.058.153.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*(167.315.494.283)*	*(160.748.131.952)*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(66.450.763.352)**	**(334.267.539.794)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**151.469.646.564**	**485.732.235.539**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.852.232	4.950.819
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	85.028.735.444	151.469.646.564

Phạm Thị Hồng Yến	Nguyễn Ngọc Anh	Hoàng Dương
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 30 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2015. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 98 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 143 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty con:
  - Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh
  - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.
- Công ty liên doanh, liên kết: Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay, như được trình bày tại Thuyết minh số 33.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	50
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	519.469.197	638.074.327
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.919.266.247	117.831.572.237
Các khoản tương đương tiền	70.590.000.000	33.000.000.000
	85.028.735.444	**151.469.646.564**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất là 4,7%-5,4% một năm (31 tháng 12 năm 2014: 1% một năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Liên Doanh Vietsopetro	33.645.859.493	8.779.211.626
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	23.857.454.144	41.440.770.861
Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần	15.622.037.000	4.895.773.000
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	5.013.481	130.426.081.422
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	-	36.438.999.740
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.392.884.625	41.900.776.466
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	16.477.286.467	73.929.411.457
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	11.877.288.149	3.379.265.428
	113.877.823.359	**341.190.290.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi tiền gửi	252.578.722	4.583.333
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	294.034.755	394.482.624
Các khoản thu hộ, chi hộ	751.252.773	33.694.341.757
Phải thu khác	-	8.768.131.238
	1.297.866.250	**42.861.538.952**
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	13.000.000	13.000.000
	13.000.000	**13.000.000**

8. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.103.458.190	1.551.729.095	8.727.387.240	6.109.171.068
- Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	762.006.000	533.404.200	-	-
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	505.677.414	27.058.570	3.158.481.801	1.490.629.757
- Liên Doanh Vietsopetro	434.281.399	303.996.979	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	253.109.738	177.176.817	-	-
- Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	5.015.081	-	5.015.081	-
	5.063.547.822	**2.593.365.661**	**11.890.884.122**	**7.599.800.825**

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	**47.211.423.535**	**120.189.752.109**
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Vietsopetro	39.317.716.299	6.853.959.600
- Hợp đồng cung cấp hoá phẩm cho Vietsopetro	1.693.961.280	-
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho Talisman	1.494.910.550	-
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	888.528.336	11.390.811.580
- Hợp đồng cung cấp ống casing cho Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	-	75.264.582.377
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	-	14.841.145.000
- Hợp đồng cung cấp ống cashing cho Talisman	-	6.430.000.000
- Các hợp đồng khác	3.816.307.070	5.409.253.552
Hàng hóa	**24.682.794.919**	-
	71.894.218.454	**120.189.752.109**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	46.621.913.606	6.313.287.014	13.018.620.445	55.914.748	66.009.735.813
Tại ngày 31/12/2015	46.621.913.606	6.313.287.014	13.018.620.445	55.914.748	66.009.735.813
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	3.004.036.639	2.729.274.876	6.706.424.049	55.914.748	12.495.650.312
Khấu hao trong năm	1.337.046.888	878.511.072	3.824.316.430	-	6.039.874.390
Tại ngày 31/12/2015	4.341.083.527	3.607.785.948	10.530.740.479	55.914.748	18.535.524.702
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	**42.280.830.079**	**2.705.501.066**	**2.487.879.966**	**-**	**47.474.211.111**
Tại ngày 31/12/2014	**43.617.876.967**	**3.584.012.138**	**6.312.196.396**	**-**	**53.514.085.501**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.924.395.760 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 1.866.765.760 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015 và 31/12/2015	2.000.000.000	154.472.660	2.154.472.660
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	20.855.025	154.472.660	175.327.685
Khấu hao trong năm	10.010.412	-	10.010.412
Tại ngày 31/12/2015	30.865.437	154.472.660	185.338.097
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	**1.969.134.563**	**-**	**1.969.134.563**
Tại ngày 31/12/2014	1.979.144.975	-	1.979.144.975

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 154.472.650 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 154.472.650 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là giá trị hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty mua từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long nhưng chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	9.526.687.800	9.526.687.800	-	9.526.687.800	9.526.687.800	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	21.960.000.000	21.227.273.602	(732.726.398)	-	-	-
	31.486.687.800	**30.753.961.402**	**(732.726.398)**	**9.526.687.800**	**9.526.687.800**	**-**
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	2.500.000.000	500.368.854	(1.999.631.146)	2.500.000.000	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	-	-	18.360.000.000	16.557.837.881	(1.802.162.119)
	2.500.000.000	**500.368.854**	**(1.999.631.146)**	**20.860.000.000**	**19.057.837.881**	**(1.802.162.119)**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
	24.000.000.000	**24.000.000.000**	**-**	**24.000.000.000**	**24.000.000.000**	**-**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51,00	51,00	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (*)	Quận Đống Đa, Hà Nội	51,85	51,85	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch

(*) Trong năm 2015, Công ty đã mua thêm 360.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn Thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "PAIC"), tương đương 8,5% tổng vốn cổ phần của PAIC. Theo đó, tỷ lệ sở hữu cổ phần và quyền biểu quyết của Công ty tại PAIC đã tăng từ 43,35% lên 51,85% và PAIC trở thành công ty con.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỉ lệ phần sở hữu (%)	Tỉ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Tỉnh Thanh Hóa	25,00	25,00	Dịch vụ hậu cần dầu khí

Thông tin chi tiết về các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,50	5,50	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,00	2,00	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán là bên thứ ba	**37.826.277.538**	**37.826.277.538**	**189.340.247.425**	**189.340.247.425**
Trim Systems Pte Ltd.	5.788.914.750	5.788.914.750	-	-
Công ty TNHH MTV Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	-	-	107.510.226.776	107.510.226.776
Phải trả các khách hàng khác	32.037.362.788	32.037.362.788	81.830.020.649	81.830.020.649
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	**8.809.139.740**	**8.809.139.740**	**198.928.588.654**	**198.928.588.654**
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.864.517.800	3.864.517.800	191.336.109.230	191.336.109.230
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	4.944.621.940	4.944.621.940	7.592.479.424	7.592.479.424
	46.635.417.278	**46.635.417.278**	**388.268.836.079**	**388.268.836.079**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	31/12/2015 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.915.260.130		1.915.260.130	-
	1.915.260.130	**-**	**1.915.260.130**	**-**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	23.700.093.807	23.700.093.807	-
Thuế nhập khẩu	-	2.936.955.744	2.936.955.744	-
Thuế thu nhập cá nhân	156.661.552	1.009.593.888	958.712.949	207.542.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.358.517.415	2.062.615.772	295.901.643
Thuế nhà thầu, thuế khác	3.121.088.108	587.326.011	3.370.758.067	337.656.052
	3.277.749.660	**30.592.486.865**	**33.029.136.339**	**841.100.186**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí lãi vay	210.127.966	480.990.834
Chi phí dự án nâng cấp đồng bộ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.566.635.651	-
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	8.018.357.680
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm	4.670.779	978.391.537
Chi phí dự án Cù Lao Tào	-	1.754.499.900
Chi phí cung cấp Monitoring Ballast cho Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	-	5.251.675.000
Chi phí phải trả khác	293.249.289	1.032.760.210
	2.685.481.676	**17.516.675.161**

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Cổ tức phải trả	10.464.156.650	5.840.056.239
Lãi trả chậm	821.390.197	6.090.000.000
Các khoản thu hộ, chi hộ	708.311.700	-
Kinh phí công đoàn	671.602.286	436.705.036
Bảo hiểm thất nghiệp	4.980.791	774.800
Bảo hiểm y tế xã hội	65.442.032	-
Phải trả khác	1.924.236.848	72.723.589
	14.660.120.504	**12.440.259.664**

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	119.807.672.760	119.807.672.760	227.809.062.221	(313.670.187.089)	33.946.547.892	33.946.547.892
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV)	-	-	23.824.223.210	-	23.824.223.210	23.824.223.210
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	32.605.523.400	32.605.523.400	267.950.402.623	(280.431.535.063)	20.124.390.960	20.124.390.960
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	-	4.578.439.404	-	4.578.439.404	4.578.439.404
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-
Ngân hàng Citibank Việt Nam	-	-	85.045.330.270	(85.045.330.270)	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	86.000.000.000	86.000.000.000	15.000.000.000	(101.000.000.000)	-	-
	238.413.196.160	**238.413.196.160**	**684.207.457.728**	**(840.147.052.422)**	**82.473.601.466**	**82.473.601.466**

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương với hạn mức tối đa là 300.000.000.000 đồng và được giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bằng Đồng Việt Nam có thời hạn vay là sáu tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay là 5,9% - 6% một năm (31 tháng 12 năm 2014: 5% một năm).

Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam dưới hình thức hợp đồng tín dụng và được giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bằng Đồng Việt Nam có thời hạn vay là sáu tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay là 5% một năm.

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) dưới hình thức tín dụng thư có thể rút bằng Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam tương đương với hạn mức tối đa là 2.700.000 đô la Mỹ và được giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bằng Đồng Việt Nam có thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày giải ngân, được đảm bảo bằng tổng giá trị số dư phải thu trị giá 131.700.000.000 đồng (số dư quy đổi 6,1 triệu đô la Mỹ) theo chứng thư thế chấp số VNM 111024/MR và chịu lãi suất vay là 5,15% một năm.

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng và đáo hạn vào ngày 28 tháng 03 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản thế chấp trị giá 3.360.489.971 đồng và 92.534,36 đô la Mỹ (Số dư quy đổi VND: 5.386.067.111 (tỷ giá 21.890 VND/USD) và chịu lãi suất 5,9%/năm.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	40.577.436.900	44.441.954.700
	40.577.436.900	**44.441.954.700**

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11 -Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	3.864.517.800	3.864.517.800
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	25.119.365.700	28.983.883.500
	44.441.954.700	**48.306.472.500**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phải trả người bán)	3.864.517.800	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	**40.577.436.900**	**44.441.954.700**

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	**200.000.000.000**	**200.000.000.000**
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	**200.000.000.000**	**200.000.000.000**

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông được hưởng lợi tức cổ định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	200.000.000.000	**100**	**200.000.000.000**	**100**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	**200.000.000.000**	**31.966.258.764**	**21.886.299.790**	**253.852.558.554**
Lợi nhuận trong năm	-	-	20.720.271.831	20.720.271.831
Trích lập quỹ	-	1.994.434.800	(1.994.434.800)	-
(Hoàn nhập)/trích lập bổ sung quỹ năm trước	-	111.303.099	(111.303.099)	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.068.636.864)	(2.068.636.864)
Số dư tại ngày 31/12/2014	**200.000.000.000**	**34.071.996.663**	**17.432.196.858**	**251.504.193.521**
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.144.064.862	9.144.064.862
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (1)	-	809.419.758	(809.419.758)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	(809.419.758)	(809.419.758)
Trích bổ sung thù lao Hội đồng quản trị năm 2013	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị (2)			(324.000.000)	(324.000.000)
Chia cổ tức trong năm (2)	-	-	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	**200.000.000.000**	**34.881.416.421**	**8.453.422.204**	**243.334.838.625**

(1) Trong năm, Công ty đã dựa trên tỷ lệ trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2014 để tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 với số tiền lần lượt là 809.419.758 đồng và 809.419.758 đồng.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 058/NQ-TMDK-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông và thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền lần lượt là 16.000.000.000 đồng và 324.000.000 đồng.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	**Đơn vị**	**31/12/2015**	**31/12/2014**
- Đô la Mỹ	USD	32.763	58.205
- Euro	EUR	3.234	3.230

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	817.937.960.930	2.078.395.955.197
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.589.695.456	102.844.052.087
Doanh thu xây dựng	-	15.987.972.450
	833.527.656.386	**2.197.227.979.734**
Hàng bán bị trả lại	(2.455.815.500)	-
	831.071.840.886	**2.197.227.979.734**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	760.355.576.163	2.004.759.353.465
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.028.175.779	87.183.525.294
Chi phí xây dựng	-	14.871.279.720
	764.383.751.942	**2.106.814.158.479**

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	24.030.886.343	25.401.349.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.049.884.802	6.233.548.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.790.311.121	97.404.071.038
Chi phí khác bằng tiền	14.130.172.121	27.446.511.275
	48.001.254.387	**156.485.480.302**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	907.205.690	24.996.839.801
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.143.969.755	2.153.728.861
Cổ tức, lợi nhuận được chia	954.435.125	4.370.747.505
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	2.528.908.816
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.731.520
	4.005.610.570	**34.056.956.503**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay	5.975.648.202	27.432.015.998
Lãi trả chậm	2.295.534.318	2.715.644.428
Lỗ do bán chứng khoán	2.891.112.811	3.015.081.189
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.299.705.094	4.720.971.285
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(1.348.440.441)	(1.247.699.065)
	16.113.559.984	**36.636.013.835**

27. THU NHẬP KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Tiền thu từ bồi thường hợp đồng	580.214.038	994.320.483
Các khoản khác	2.758.155.837	1.377.025.000
	3.338.369.875	**2.371.345.483**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CHI PHÍ KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Các khoản bị phạt	306.806.001	1.726.585.631
Các khoản khác	1.105.298.092	755.291.730
	1.412.104.093	**2.481.877.361**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	15.048.220.864	15.800.643.059
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.509.956	122.021.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	451.690.365	559.155.124
Chi phí bằng tiền khác	8.194.658.714	12.901.923.572
	23.729.079.899	**29.383.743.739**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	8.982.665.479	7.972.936.136
Chi phí đồ dùng văn phòng	367.129.921	908.418.038
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.052.453.450	3.236.117.185
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	(1.820.901.136)	4.291.083.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.936.980.879	4.466.579.412
Chi phí bằng tiền khác	7.752.414.543	11.846.438.609
	21.274.743.136	**32.725.572.677**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	11.502.582.277	25.614.915.629
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	*967.177.950*	*4.370.747.505*
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*185.129.377*	*1.004.212.775*
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**10.720.533.704**	**22.248.380.899**
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**2.358.517.415**	**4.894.643.798**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	82.473.601.466	238.413.196.160
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	85.028.735.444	151.469.646.564
Nợ thuần	-	86.943.549.596
Vốn chủ sở hữu	243.334.838.625	251.504.193.521
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	**0,35**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	85.028.735.444	151.469.646.564
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.718.507.448	379.773.745.655
Các khoản đầu tư tài chính	21.267.642.456	26.152.001.692
	219.014.885.348	**557.395.393.911**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	82.473.601.466	238.413.196.160
Phải trả người bán và phải trả khác	101.872.974.682	445.151.050.443
Chi phí phải trả	2.685.481.676	17.516.675.161
	187.032.057.824	**701.080.921.764**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	743.865.956	13.831.543.366	19.801.936.700	29.090.078.954
Euro ("EUR")	79.913.501	85.961.937	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và năm 2014 sẽ tăng/giảm một khoản tiền tương ứng lần lượt là 571.742.122 đồng và 457.756.068 đồng.

Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương	85.028.735.444	-	-	85.028.735.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.705.507.448	13.000.000	-	112.718.507.448
Các khoản đầu tư tài chính	-	21.267.642.456	-	21.267.642.456
	197.734.242.892	**21.280.642.456**	-	**219.014.885.348**
Các khoản vay	82.473.601.466	-	-	82.473.601.466
Phải trả khách hàng và phải trả khác	61.295.537.782	15.458.071.200	25.119.365.700	101.872.974.682
Chi phí phải trả	2.685.481.676	-	-	2.685.481.676
	146.454.620.924	**15.458.071.200**	**25.119.365.700**	**187.032.057.824**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**51.279.621.968**	**5.822.571.256**	**(25.119.365.700)**	**31.982.827.524**

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương	151.469.646.564	-	-	151.469.646.564
Phải thu khách hàng và phải thu khác	379.760.745.655	13.000.000	-	379.773.745.655
Các khoản đầu tư tài chính	3.954.163.811	22.197.837.881	-	26.152.001.692
	535.184.556.030	22.210.837.881	-	557.395.393.911
Các khoản vay	238.413.196.160	-	-	238.413.196.160
Phải trả khách hàng và phải trả khác	400.709.095.743	15.458.071.200	28.983.883.500	445.151.050.443
Chi phí phải trả	17.516.675.161	-	-	17.516.675.161
	656.638.967.064	15.458.071.200	28.983.883.500	701.080.921.764
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(121.454.411.034)**	**6.752.766.681**	**(28.983.883.500)**	**(143.685.527.853)**

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Thương Mại Năng Lượng Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Cổ đông
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Cổ đông
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Pvoil Miền Trung	Cổ đông
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015 VND	2014 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	13.936.510.966	85.225.859.102
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	167.219.020.305	134.263.009.365
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	1.269.705.464.511
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	16.141.798.818	-
Nhận góp vốn		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	21.960.000.000	-
Công bố và trả cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.640.000.000	6.090.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Năng Lượng Xanh	764.035.125	688.651.505
Lãi trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.043.390.197	2.715.644.428
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	-	3.238.651.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.210.000.000	1.801.800.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	8.757.282.260
Phải trả khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.683.390.197	7.217.382.089

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Đơn vị: VND	Thay đổi
Bảng cân đối kế toán						
Tên chỉ tiêu	**Mã số**	**31/12/2014**	**Tên chỉ tiêu**	**Mã số**	**31/12/2014**	
I. Tài sản			**I. Tài sản**			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6.151.859.811	1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.151.859.811	Đổi tên
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(2.197.696.000)	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(2.197.696.000)	Đổi tên
3. Phải thu khách hàng	131	341.190.290.000	3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	341.190.290.000	Đổi tên
4. Trả trước cho người bán	132	145.479.664.570	4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	145.479.664.570	Đổi tên
5. Các khoản phải thu khác	135	42.861.538.952	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	42.861.538.952	Đổi tên
6. Phải thu dài hạn khác	218	-	6. Phải thu dài hạn khác	216	13.000.000	Phân loại lại
7. Đầu tư dài hạn khác	258	24.000.000.000	7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	24.000.000.000	Đổi tên
8. Tài sản dài hạn khác	268	13.000.000	8. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			**II. Nguồn vốn**			
1. Phải trả người bán	312	388.268.836.079	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	388.268.836.079	Đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	1.971.541.190	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.971.541.190	Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	17.516.675.161	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17.516.675.161	Đổi tên
4. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12.440.259.664	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	12.440.259.664	Đổi tên
5. Vay và nợ ngắn hạn	311	238.413.196.160	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	238.413.196.160	Đổi tên
5. Vốn cổ phần	411	200.000.000.000	5. Vốn góp của chủ sở hữu	411	200.000.000.000	Đổi tên
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	26.431.515.240	6. Quỹ đầu tư phát triển	418	34.071.996.663	Phân loại lại
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	7.640.481.423	*Trình bày trong chỉ tiêu "Quỹ đầu tư phát triển"*		-	Phân loại lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					Đơn vị: VND	
Tên chỉ tiêu	**Mã số**	**2014**	**Tên chỉ tiêu**	**Mã số**	**2014**	
Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Giảm chứng khoán kinh doanh	13	25.459.501.373	Phân loại lại
Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(1.068.264.971.774)	Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	-	Phân loại lại
Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	1.093.724.473.147	Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	-	Phân loại lại

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0305447723-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
QUẬN 7 - TP HỒ CHÍ MINH

Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Đinh Việt Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0305447722 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18,Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Quận 1
Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 633 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.C.N: 0100150619 CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Chí Nguyện
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Thành Xuân Thủy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2260-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		353.742.456.006	818.534.779.780
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**109.654.068.489**	**153.172.516.127**
1. Tiền	111		23.164.068.489	120.172.516.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.490.000.000	33.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	**3.954.163.811**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	6.151.859.811
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(2.197.696.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**138.570.833.034**	**453.288.559.027**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	121.263.413.543	267.260.878.543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.262.677.534	145.479.664.570
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.140.107.668	44.839.099.211
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.095.365.711)	(4.291.083.297)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**95.635.748.879**	**185.888.040.346**
1. Hàng tồn kho	141		95.635.748.879	185.888.040.346
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**9.881.805.604**	**22.231.500.469**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		757.788.323	214.667.055
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.940.033.304	20.101.573.284
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	183.983.977	1.915.260.130
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**140.424.861.593**	**159.313.941.253**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**197.004.800**	**13.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	197.004.800	13.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**68.980.301.015**	**76.520.421.777**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	59.505.008.402	67.035.118.752
- Nguyên giá	*222*		*89.129.089.737*	*82.415.849.383*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(29.624.081.335)*	*(15.380.730.631)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.475.292.613	9.485.303.025
- Nguyên giá	*228*		*10.237.216.795*	*9.660.630.710*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(761.924.182)*	*(175.327.685)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**39.294.947.816**	**34.646.230.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	39.294.947.816	34.646.230.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**13**	**26.787.301.517**	**45.106.269.616**
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.787.301.517	21.106.269.616
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.165.306.445**	**3.028.019.860**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.600.577.476	1.214.099.732
2. Lợi thế thương mại	269	14	3.564.728.969	1.813.920.128
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**494.167.317.599**	**977.848.721.033**

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**211.397.249.175**	**710.875.158.666**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**170.819.812.275**	**666.432.960.466**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	61.794.435.153	389.639.020.279
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.316.000.000	1.971.541.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.992.442.860	3.704.501.368
4. Phải trả người lao động	314		3.627.891.449	495.919.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.946.550.302	17.516.675.161
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		198.010.612	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	14.926.992.241	12.461.784.584
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	82.473.601.466	238.413.196.160
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		543.888.192	2.230.321.955
II. Nợ dài hạn	**330**		**40.577.436.900**	**44.442.198.200**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20	40.577.436.900	44.441.954.700
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	243.500
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**282.770.068.424**	**266.973.562.367**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**282.770.068.424**	**266.973.562.367**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	35.138.945.817	34.329.526.059
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	16.450.327.842	21.815.446.197
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*5.311.446.197*	*2.364.318.398*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*11.138.881.645*	*19.451.127.799*
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	22	31.180.794.765	10.828.590.111
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**494.167.317.599**	**977.848.721.033**

Phạm Thị Hồng Yến	Nguyễn Ngọc Anh	Hoàng Dương
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị:VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.079.510.960.003	2.155.605.576.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.455.815.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	1.077.055.144.503	2.155.605.576.149
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	998.592.558.204	2.063.053.576.997
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		78.462.586.299	92.551.999.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.378.311.242	30.823.941.039
7. Chi phí tài chính	22	29	15.183.364.559	34.833.851.716
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.975.648.202*	*27.432.015.998*
8. Chi phí bán hàng	25	30	24.199.224.810	29.521.307.375
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	27.379.109.870	33.768.493.632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		15.079.198.302	25.252.287.468
11. Thu nhập khác	31		3.341.188.057	2.371.345.483
12. Chi phí khác	32		1.559.195.569	2.490.622.735
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		1.781.992.488	(119.277.252)
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45	13	1.256.564.328	619.867.525
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		18.117.755.118	25.752.877.741
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	3.804.084.469	5.415.912.926
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.313.670.649	20.336.964.815
Phân bổ cho:				
- Cổ đông không kiểm soát	*61*	*22*	*1.508.025.380*	*885.837.016*
- Cổ đông của Công ty mẹ	*62*		*12.805.645.269*	*19.451.127.799*
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**32**	**576**	**864**

M.S.D.N: 0305447723-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
QUẬN 7 - TP HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Hồng Yến	Nguyễn Ngọc Anh	Hoàng Dương
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 27 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***18.117.755.118***	**25.752.877.741**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.635.958.486	6.894.412.572
- Các khoản dự phòng	03	(1.393.413.586)	3.438.918.113
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	364.562.010	61.942.093
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.234.341.487)	(29.277.712.142)
- Chi phí lãi vay	06	5.975.648.202	27.432.015.998
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***29.466.168.743***	***34.302.454.375***
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	326.622.416.479	(138.517.936.463)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	90.252.291.467	(173.067.994.424)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(340.093.855.424)	120.583.116.517
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.680.407.853)	834.212.901
- Giảm chứng khoán kinh doanh	13	6.151.859.811	25.459.501.373
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.246.511.070)	(28.328.032.554)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(623.130.776)	(8.620.249.244)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.047.777.629)	(4.878.422.656)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***99.801.053.748***	***(172.233.350.175)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(33.763.866.955)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.360.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	1.234.341.487	30.561.153.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***1.234.341.487***	***(4.562.713.086)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	684.207.457.728	1.825.373.775.294
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(840.147.052.422)	(1.969.063.753.346)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	11.375.899.589	(14.508.153.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(144.563.695.105)***	***(158.198.131.952)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(43.528.299.870)**	**(334.994.195.213)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**153.172.516.127**	**488.161.760.521**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.852.232	4.950.819
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	109.654.068.489	153.172.516.127

Phạm Thị Hồng Yến	**Nguyễn Ngọc Anh**	**Hoàng Dương**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 27 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty mẹ

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2015. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008. Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 121 người (31 tháng 12 năm 2014: 159 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty con

Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh (gọi tắt là "Công ty GEC") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500867357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Tổng số nhân viên của Công ty GEC tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17 người (31 tháng 12 năm 2014: 17 người). Hoạt động chính của Công ty GEC là mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học. Công ty GEC có trụ sở chính tại Ô 1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại Công ty GEC là 51%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty PAIC") được thành lập tại Hà Nội với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103349508 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 là 42.352.900.000 đồng. Tổng số nhân viên của Công ty PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 89 người (31 tháng 12 năm 2014: 91 người). Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Công ty PAIC có trụ sở chính ở tại tầng 17, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại PAIC là 51,85%.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế thế cho phần XIII – Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay, như được trình bày tại Thuyết minh số 35.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII – Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, lợi thế thương mại này không được khấu hao theo quy định của Thông tư 202.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính và giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 không trích khấu hao vì không có thời hạn.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:
a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	1.133.179.239	647.133.141
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.030.889.250	119.525.382.986
Các khoản tương đương tiền	86.490.000.000	33.000.000.000
	109.654.068.489	**153.172.516.127**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất là 4,7%-5,4% một năm (31 tháng 12 năm 2014: 1% một năm). Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty PAIC với số tiền là 6 tỷ đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng mua hàng hóa.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Liên Doanh Vietsopetro	33.645.859.493	8.779.211.626
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	23.857.454.144	41.440.770.861
Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần	15.622.037.000	4.895.773.000
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	5.013.481	130.426.081.422
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	-	36.438.999.740
Các khoản phải thu các khách hàng khác	36.255.761.276	41.900.776.466
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	11.877.288.149	3.379.265.428
	121.263.413.543	**267.260.878.543**

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	1.390.006.900	-
Các khoản ký quỹ	1.131.865.593	-
Phải thu về lãi tiền gửi	379.590.574	4.583.333
Phải thu người lao động	294.034.755	394.482.624
Các khoản thu hộ, chi hộ	751.252.773	42.280.258.280
Phải thu khác	2.193.357.073	2.159.774.974
	6.140.107.668	**44.839.099.211**
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	197.004.800	13.000.000
	197.004.800	**13.000.000**

8. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.103.458.190	1.551.729.095	8.727.387.240	6.109.171.068
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.134	-	-	-
Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	762.006.000	533.404.200	-	-
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	578.250.750	-		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	505.677.414	27.058.570	3.158.481.801	1.490.629.757
Liên Doanh Vietsopetro	434.281.399	303.996.979	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Công nghệ	365.045.333	182.522.667		
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	253.109.738	177.176.817	-	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	5.015.081	-	5.015.081	-
	7.871.254.039	**2.775.888.328**	**11.890.884.122**	**7.599.800.825**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Hàng mua đang đi đường	5.136.772.410	-
Nguyên vật liệu	17.435.915.022	64.937.300.947
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, trong đó:	48.380.266.528	120.950.739.399
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Vietsopetro	*39.317.716.299*	*6.853.959.600*
- Hợp đồng cung cấp hoá phẩm cho Vietsopetro	*1.693.961.280*	-
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho Talisman	*1.494.910.550*	6.430.000.000
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	*888.528.336*	*11.390.811.580*
- Hợp đồng cung cấp ống casing cho Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	-	*75.264.582.377*
- Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	-	*14.841.145.000*
- Các hợp đồng khác	*4.985.150.063*	*6.170.240.842*
Hàng hóa	24.682.794.919	-
	95.635.748.879	**185.888.040.346**

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	60.685.518.072	-	6.698.523.377	14.975.893.186	55.914.748	82.415.849.383
Tăng từ hợp nhất công ty con	-	5.289.204.634	1.307.136.364	116.899.356	-	6.713.240.354
Tại ngày 31/12/2015	60.685.518.072	5.289.204.634	8.005.659.741	15.092.792.542	55.914.748	89.129.089.737
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	4.675.582.019	-	3.089.342.639	7.559.891.225	55.914.748	15.380.730.631
Khấu hao trong năm	2.354.947.896	-	974.820.168	4.296.180.010	-	7.625.948.074
Tăng từ hợp nhất công ty con	-	5.215.183.269	1.285.320.005	116.899.356	-	6.617.402.630
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	7.030.529.915	5.215.183.269	5.349.482.812	11.972.970.591	55.914.748	29.624.081.335
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	**53.654.988.157**	**74.021.365**	**2.656.176.929**	**3.119.821.951**	-	**59.505.008.402**
Tại ngày 31/12/2014	56.009.936.053	-	3.609.180.738	7.416.001.961	-	67.035.118.752

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.039.723.147 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 1.866.765.760 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	2.000.000.000	154.472.660	7.506.158.050	9.660.630.710
Tăng từ hợp nhất công ty con	-	576.586.085	-	576.586.085
Tại ngày 31/12/2015	2.000.000.000	731.058.745	7.506.158.050	10.237.216.795
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	20.855.025	154.472.660	-	175.327.685
Khấu hao trong năm	10.010.412	-	-	10.010.412
Tăng từ hợp nhất công ty con	-	576.586.085	-	576.586.085
Tại ngày 31/12/2015	30.865.437	731.058.745	-	761.924.182
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	**1.969.134.563**	**-**	**7.506.158.050**	**9.475.292.613**
Tại ngày 31/12/2014	**1.979.144.975**	**-**	**7.506.158.050**	**9.485.303.025**

Nguyên giá của phần mềm máy tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 731.058.745 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 154.472.660 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Biệt thự Kim Long (1)	34.646.230.000	34.646.230.000
Dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời (2)	4.648.717.816	-
	39.294.947.816	**34.646.230.000**

(1) Thể hiện giá trị hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ mua từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long nhưng chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

(2) Thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") theo Hợp đồng hợp tác giữa Công ty PAIC với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") số 7454/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 8 năm 2010. Theo đó, Tập đoàn góp vốn bằng tiền và Công ty PAIC góp vốn bằng nguồn nhân lực. Tổng chi phí phát sinh liên quan đến Dự án là 24.631.310.413 đồng. Ngày 20 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã có biên Bản số 9871/BB-DKVN về việc phê duyệt Dự án với kết quả Dự án không đạt. Giá trị quyết toán được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 19.466.068.395 đồng. Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được duyệt quyết toán là 5.165.242.018 đồng. Ngày 03 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty PAIC ban hành Quyết định số 404/QĐ-HĐQT thông qua hướng xử lý với phần phát sinh vượt giá trị được quyết toán. Theo đó, (i) Ông Nguyễn Việt Hùng (nguyên Giám đốc Công ty PAIC) chịu trách nhiệm thanh toán 10% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 516. 524.202 đồng; (ii) 90% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 4.648.717.816 đồng thuộc trách nhiệm chung của Công ty PAIC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty PAIC vẫn đang ghi nhận phải thu đối với ông Nguyễn Việt Hùng và theo dõi phần giá trị còn lại của dự án trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 4.648.717.816 đồng.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.500.000.000	20.860.000.000
Phần lãi phát sinh sau ngày đầu tư	287.301.517	246.269.616
	2.787.301.517	**21.106.269.616**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty PAIC"). Trong năm 2015, Công ty mẹ đã mua thêm 360.000 cổ phần của Công ty PAIC, tương đương 8,5% tổng vốn cổ phần của Công ty PAIC. Theo đó, tỷ lệ sở hữu cổ phần và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty PAIC đã tăng từ 43,35% lên 51,85% và Công ty PAIC trở thành công ty con.

Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim được thành lập tại Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 262031000068 do Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa cấp ngày 22 tháng 9 năm 2009 là 30 tỷ đồng. Tổng số vốn cam kết góp của Công ty mẹ là 7,5 tỷ đồng, tương ứng với 25% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hậu cần cho Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng tài sản	26.627.783.295	98.726.391.647
Tổng công nợ	15.108.967.338	49.616.790.719
Tài sản thuần	11.518.815.957	49.109.600.928
Phần tài sản thuần của Công ty mẹ trong công ty liên kết	**2.787.301.517**	**19.324.073.409**

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu thuần	115.146.709.556	35.995.228.685
Lãi thuần	3.336.419.065	1.852.660.349
Lãi thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	**1.256.564.328**	**619.867.525**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
	24.000.000.000	**24.000.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,0	2,0	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	2.365.982.774
Tăng trong năm	2.004.108.018
Tại ngày 31/12/2015	4.370.090.792
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	552.062.646
Khấu hao trong năm	253.299.177
Tại ngày 31/12/2015	805.361.823
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	**3.564.728.969**
Tại ngày 31/12/2014	**1.813.920.128**

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán là bên thứ ba	**57.929.917.353**	**57.929.917.353**	**190.710.431.625**	**190.710.431.625**
Trim Systems Pte Ltd.	5.788.914.750	5.788.914.750	-	-
Công ty TNHH MTV Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	-	-	107.510.226.776	107.510.226.776
Phải trả các khách hàng khác	52.141.002.603	52.141.002.603	83.200.204.849	83.200.204.849
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	**3.864.517.800**	**3.864.517.800**	**198.928.588.654**	**198.928.588.654**
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.864.517.800	3.864.517.800	191.336.109.230	191.336.109.230
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	-	7.592.479.424	7.592.479.424
	61.794.435.153	**61.794.435.153**	**389.639.020.279**	**389.639.020.279**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp/ thu trong năm VND	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.915.260.130	-	1.915.260.130	-
Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế nhà thầu, thuế khác	-	183.983.977	-	183.983.977
	1.915.260.130	**183.983.977**	**1.915.260.130**	**183.983.977**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	63.078.891.317	63.078.891.317	-
Thuế nhập khẩu	-	2.936.955.744	2.936.955.744	-
Thuế thu nhập cá nhân	160.689.502	1.134.887.262	1.058.383.476	237.193.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.723.758	3.804.084.469	2.809.214.707	1.417.593.520
Thuế nhà thầu, thuế khác	3.121.088.108	590.326.011	3.373.758.067	337.656.052
	3.704.501.368	**71.545.144.803**	**73.257.203.311**	**1.992.442.860**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí dự án nâng cấp đồng bộ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.566.635.651	-
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	8.018.357.680
Chi phí lãi vay	210.127.966	480.990.834
Chi phí cung cấp Monitoring Ballast cho Công ty Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí		
Trong nước	-	5.251.675.000
Chi phí dự án Cù Lao Tào	-	1.754.499.900
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm	4.670.779	978.391.537
Chi phí phải trả khác	1.554.317.915	1.032.760.210
	3.946.550.302	**17.516.675.161**

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Cổ tức phải trả	10.464.156.650	5.840.056.239
Lãi trả chậm	821.390.197	6.090.000.000
Các khoản thu hộ, chi hộ	708.311.700	-
Kinh phí công đoàn	671.602.286	436.705.036
Bảo hiểm xã hội	65.442.032	17.219.935
Bảo hiểm y tế	-	2.980.373
Bảo hiểm thất nghiệp	4.980.791	2.099.412
Phải trả khác	2.191.108.585	72.723.589
	14.926.992.241	**12.461.784.584**

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	119.807.672.760	119.807.672.760	227.809.062.221	(313.670.187.089)	33.946.547.892	33.946.547.892
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV)	-	-	23.824.223.210	-	23.824.223.210	23.824.223.210
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	32.605.523.400	32.605.523.400	267.950.402.623	(280.431.535.063)	20.124.390.960	20.124.390.960
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	-	4.578.439.404	-	4.578.439.404	4.578.439.404
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-
Ngân hàng Citibank Việt Nam	-	-	85.045.330.270	(85.045.330.270)	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	86.000.000.000	86.000.000.000	15.000.000.000	(101.000.000.000)	-	-
	238.413.196.160	238.413.196.160	684.207.457.728	(840.147.052.422)	82.473.601.466	82.473.601.466

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương với hạn mức tối đa là 300.000.000.000 đồng và được giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bằng Đồng Việt Nam có thời hạn vay là sáu tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay là 5,9% - 6% một năm (31 tháng 12 năm 2014: 5% một năm).

Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam dưới hình thức hợp đồng tín dụng và được giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bằng Đồng Việt Nam có thời hạn vay là sáu tháng kể từ ngày giải ngân, không có đảm bảo và chịu lãi suất vay là 5% một năm.

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) dưới hình thức tín dụng thư có thể rút bằng Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam tương đương với hạn mức tối đa là 2.700.000 đô la Mỹ và được giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bằng Đồng Việt Nam có thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày giải ngân, được đảm bảo bằng tổng giá trị số dư phải thu trị giá 131.700.000.000 đồng (số dư quy đổi 6,1 triệu đô la Mỹ) theo chứng thư thế chấp số VNM 111024/MR và chịu lãi suất vay là 5,15% một năm.

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng và đáo hạn vào ngày 28 tháng 3 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản thế chấp trị giá 3.360.489.971 đồng và 92.534,36 đô la Mỹ (Số dư quy đổi Việt Nam Đồng là 5.386.067.111 đồng (tỷ giá 21.890 VND/USD) và chịu lãi suất 5,9%/năm.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	40.577.436.900	44.441.954.700
	40.577.436.900	**44.441.954.700**

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11 - Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả

chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo kỳ thanh toán với lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	3.864.517.800	3.864.517.800
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	25.119.365.700	28.983.883.500
	44.441.954.700	**48.306.472.500**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải trả người bán)	3.864.517.800	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	**40.577.436.900**	**44.441.954.700**

21. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	**200.000.000.000**	**200.000.000.000**
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	**200.000.000.000**	**200.000.000.000**

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cổ định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	200.000.000.000	**100**	**200.000.000.000**	**100**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	200.000.000.000	32.037.658.764	28.022.629.591	260.060.288.355
Lợi nhuận trong năm	-	-	19.451.127.799	19.451.127.799
Trích lập quỹ	-	2.291.867.295	(2.291.867.295)	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.180.314.502)	(2.180.314.502)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(186.129.396)	(186.129.396)
Số dư tại ngày 31/12/2014	200.000.000.000	34.329.526.059	21.815.446.197	256.144.972.256
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.805.645.269	12.805.645.269
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (1)		809.419.758	(809.419.758)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	(857.343.866)	(857.343.866)
Trích bổ sung thù lao Hội đồng Quản trị năm 2013	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị (2)	-	-	(324.000.000)	(324.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ (2)	-	-	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	200.000.000.000	35.138.945.817	16.450.327.842	251.589.273.659

(1) Trong năm, Công ty mẹ và các Công ty con đã dựa trên tỷ lệ trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2014 để tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 với số tiền lần lượt là 809.419.758 đồng và 857.343.866 đồng.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 058/NQ-TMDK-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông và thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền lần lượt là 16.000.000.000 đồng và 324.000.000 đồng.

22. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của các Công ty con là Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát cụ thể như sau:

Công ty CP Thương mại Năng Lượng Xanh	**31/12/2015**	**31/12/2014**
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	20.000.000.000	20.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn góp của Công ty mẹ	*10.200.000.000*	*10.200.000.000*
- Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	*9.800.000.000*	*9.800.000.000*
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	**49,00%**	**49,00%**

Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	**31/12/2015**	**31/12/2014**
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	42.352.900.000	-
Trong đó:		
- Vốn góp của Công ty mẹ	*21.960.000.000*	-
- Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	*20.392.900.000*	-
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	**48,15%**	-

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị tài sản thuần:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Vốn của cổ đông không kiểm soát	30.192.900.000	9.800.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	581.517.931	247.430.205
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	216.000.741	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	190.376.093	781.159.906
	31.180.794.765	**10.828.590.111**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trong năm	3.034.721.628	1.807.830.645
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	1.508.025.380	885.837.016

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	**Đơn vị**	**31/12/2015**	**31/12/2014**
- Đô la Mỹ	USD	32.763	58.205
- Euro	EUR	3.234	3.230

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác và bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác – kinh doanh mua bán vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí và các dịch vụ khác.

Bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu – sản xuất và kinh doanh chất phụ gia xăng dầu.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

31/12/2015	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác VND	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu VND	Tổng VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	447.944.010.513	46.223.324.296	494.167.334.809
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	**494.167.334.809**
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	188.973.302.727	22.423.946.448	211.397.249.175
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	**211.397.249.175**

31/12/2014	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác VND	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu VND	Tổng VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	879.761.209.497	98.087.511.536	977.848.721.033
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	**977.848.721.033**
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	634.886.810.621	75.988.348.045	710.875.158.666
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	**710.875.158.666**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

2015	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác VND	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	850.486.189.727	226.568.954.776	1.077.055.144.503
Giá vốn	780.858.534.148	217.734.024.056	998.592.558.204
Kết quả hoạt động kinh doanh	**69.627.655.579**	**8.834.930.720**	**78.462.586.299**
Chi phí bán hàng			24.199.224.810
Chi phí quản lý doanh nghiệp			27.379.109.870
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			26.884.251.619
Doanh thu hoạt động tài chính			3.378.311.242
Chi phí tài chính			15.183.364.559
Lợi nhuận khác			1.781.992.488
Lỗ trong công ty liên kết			1.256.564.328
Lợi nhuận kế toán trước thuế			18.117.755.118
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			3.804.084.469
Lợi nhuận trong năm			14.313.670.649
Thông tin khác			
Khấu hao			7.635.958.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2014	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác VND	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.062.964.970.369	92.640.605.780	2.155.605.576.149
Giá vốn	1.973.480.751.822	89.572.825.175	2.063.053.576.997
Kết quả hoạt động kinh doanh	**89.484.218.547**	**3.067.780.605**	**92.551.999.152**
Chi phí bán hàng			29.521.307.375
Chi phí quản lý doanh nghiệp			33.768.493.632
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			29.262.198.145
Doanh thu hoạt động tài chính			30.823.941.039
Chi phí tài chính			34.833.851.716
Lỗ khác			(119.277.252)
Lãi trong công ty liên kết			619.867.525
Lợi nhuận kế toán trước thuế			30.323.350.766
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			5.415.912.926
Lợi nhuận trong năm			**24.907.437.840**
Thông tin khác			
Khấu hao			6.894.412.572

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán chất phụ gia xăng dầu	226.568.954.776	92.640.605.780
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	852.942.005.227	2.046.976.997.919
Doanh thu xây dựng	-	15.987.972.450
	1.079.510.960.003	**2.155.605.576.149**
Hàng bán bị trả lại	2.455.815.500	-
	1.077.055.144.503	**2.155.605.576.149**

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn chất phụ gia xăng dầu đã bán	217.734.024.056	89.572.825.175
Giá vốn hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	780.858.534.148	1.958.609.472.102
Chi phí xây dựng	-	14.871.279.720
	998.592.558.204	**2.063.053.576.997**

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216.147.950.372	154.511.660.945
Chi phí nhân công	26.977.563.383	26.095.686.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.635.958.486	6.894.412.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.356.687.132	98.333.371.041
Chi phí khác	33.086.896.106	28.031.549.853
	288.205.055.479	**313.866.681.013**

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.143.969.755	2.153.728.861
Lãi tiền gửi	1.043.941.487	24.996.839.801
Cổ tức, lợi nhuận được chia	190.400.000	1.132.096.000
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	2.528.908.816
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	12.367.561
	3.378.311.242	**30.823.941.039**

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay	5.975.648.202	27.432.015.998
Lãi trả chậm	2.295.534.318	2.715.644.428
Lỗ do bán chứng khoán	2.891.112.811	817.385.189
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.299.705.094	4.720.971.285
Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	(2.278.635.866)	(852.165.184)
	15.183.364.559	**34.833.851.716**

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	11.929.342.519	8.031.077.073
Chi phí đồ dùng văn phòng	450.146.027	939.320.727
Chi phí khấu hao	3.052.453.450	3.236.117.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.359.429.617	4.938.403.160
Chi phí khác	8.587.738.257	16.623.575.487
	27.379.109.870	**33.768.493.632**
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	15.048.220.864	15.800.643.059
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.509.956	122.021.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	595.617.638	696.718.760
Chi phí bằng tiền khác	8.520.876.352	12.901.923.572
	24.199.224.810	**29.521.307.375**

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.117.755.118	25.752.877.741
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	438.428.554	2.387.473.949
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	3.355.361.286	3.785.565.517
Thu nhập chịu thuế	**15.200.822.386**	**24.354.786.173**
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.344.180.925**	**5.358.052.958**
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ năm trước	-	57.859.968
Điều chỉnh thuế thu nhập từ hợp nhất	459.903.544	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.804.084.469**	**5.415.912.926**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trong năm	14.313.670.649	20.336.964.815
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát	1.508.025.380	885.837.016
- Cổ đông của Công ty mẹ	12.805.645.269	19.451.127.799
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	1.280.564.527	2.180.314.502
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.525.080.742	17.270.813.297
Số cổ phần bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**576**	**864**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế trong năm như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 058/NQ-TMDK-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2015.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Công ty loại trừ số lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202.

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền VND	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	19.451.127.799	20.000.000	973
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Thông tư 200 và 202	(2.180.314.502)	-	-
Số liệu trình bày lại	**17.270.813.297**	**20.000.000**	**864**

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	82.473.601.466	238.413.196.160
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	109.654.068.489	153.172.516.127
Nợ thuần	-	85.240.680.033
Vốn chủ sở hữu	282.770.085.634	266.973.562.367
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,32

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	109.654.068.489	153.172.516.127
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.821.118.645	307.427.411.833
Các khoản đầu tư tài chính	24.000.000.000	27.954.163.811
	254.475.187.134	**488.554.091.771**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	82.473.601.466	238.413.196.160
Phải trả người bán và phải trả khác	116.556.839.185	446.083.754.807
Chi phí phải trả	3.946.550.302	17.516.675.161
	202.976.990.953	**702.013.626.128**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	743.865.956	13.831.543.366	19.801.936.700	29.090.078.954
Euro ("EUR")	79.913.501	85.961.937	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với VND thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 571.742.122 đồng (năm 2014: giảm/tăng 457.756.068 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay, và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.654.068.489	-	-	109.654.068.489
Phải thu khách hàng và phải thu khác	120.624.113.845	197.004.800	-	120.821.118.645
Các khoản đầu tư tài chính	-	24.000.000.000	-	24.000.000.000
	230.278.182.334	**24.197.004.800**	**-**	**254.475.187.134**
Các khoản vay	82.473.601.466	-	-	82.473.601.466
Phải trả người bán và phải trả khác	75.979.402.285	15.458.071.200	25.119.365.700	116.556.839.185
Chi phí phải trả	3.946.550.302	-	-	3.946.550.302
	162.399.554.053	**15.458.071.200**	**25.119.365.700**	**202.976.990.953**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**67.878.628.281**	**8.738.933.600**	**(25.119.365.700)**	**51.498.196.181**

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.172.516.127	-	-	153.172.516.127
Phải thu khách hàng và phải thu khác	307.414.411.833	13.000.000	-	307.427.411.833
Các khoản đầu tư tài chính	3.954.163.811	24.000.000.000	-	27.954.163.811
	464.541.091.771	**24.013.000.000**	-	**488.554.091.771**
Các khoản vay	238.413.196.160	-	-	238.413.196.160
Phải trả người bán và phải trả khác	401.641.800.107	15.458.071.200	28.983.883.500	446.083.754.807
Chi phí phải trả	17.516.675.161	-	-	17.516.675.161
	657.571.671.428	**15.458.071.200**	**28.983.883.500**	**702.013.626.128**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(193.030.579.657)**	**8.554.928.800**	**(28.983.883.500)**	**(213.459.534.357)**

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	Cổ đông
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015 VND	2014 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	13.936.510.966	85.225.859.102
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	1.269.705.464.511
Công bố và trả cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.640.000.000	6.090.000.000
Lãi trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.043.390.197	2.715.644.428

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.210.000.000	1.801.800.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	VND	VND
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	8.757.282.260
Phải trả khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	5.683.390.197	1.127.382.089
Nhận ứng trước từ khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	1.472.804.404

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			**Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC**			**Thay đổi**
Bảng cân đối kế toán		**Đơn vị: VND**			**Đơn vị: VND**	
Tên chỉ tiêu	**Mã số**	**31/12/2014**	**Tên chỉ tiêu**	**Mã số**	**31/12/2014**	
I. Tài sản			**I. Tài sản**			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6.151.859.811	1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.151.859.811	Đổi tên
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(2.197.696.000)	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(2.197.696.000)	Đổi tên
3. Phải thu khách hàng	131	267.260.878.543	3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	267.260.878.543	Đổi tên
4. Trả trước cho người bán	132	145.479.664.570	4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	145.479.664.570	Đổi tên
5. Các khoản phải thu khác	135	44.839.099.211	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	44.839.099.211	Đổi tên
6. Phải thu dài hạn khác	218	-	6. Phải thu dài hạn khác	216	13.000.000	Phân loại lại
7. Đầu tư dài hạn khác	258	24.000.000.000	7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	24.000.000.000	Đổi tên
8. Tài sản dài hạn khác	268	13.000.000	8. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			**II. Nguồn vốn**			
1. Phải trả người bán	312	389.639.020.279	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	389.639.020.279	Đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	1.971.541.190	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.971.541.190	Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	17.516.675.161	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17.516.675.161	Đổi tên
4. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12.461.784.584	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	12.461.784.584	Đổi tên
5. Vay và nợ ngắn hạn	311	238.413.196.160	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	238.413.196.160	Đổi tên
6. Vốn cổ phần	411	200.000.000.000	6. Vốn góp của chủ sở hữu	411	200.000.000.000	Đổi tên
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	26.431.515.240	7. Quỹ đầu tư phát triển	418	34.329.526.059	Phân loại lại
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	7.898.010.819	*Trình bày trong chỉ tiêu "Quỹ đầu tư phát triển"*			Phân loại lại

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		**Đơn vị: VND**			**Đơn vị: VND**	
Tên chỉ tiêu	**Mã số**	**2014**	**Tên chỉ tiêu**	**Mã số**	**2014**	
Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Giảm chứng khoán kinh doanh	13	25.459.501.373	Phân loại lại
Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(1.068.264.971.774)	Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	-	Phân loại lại
Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	1.093.724.473.147	Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	-	Phân loại lại

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0305447723-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ * QUẬN 7 - TP HỒ CHÍ MINH

Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 02 năm 2015